

LỜI MỞ ĐẦU

Hiện nay khi đất nước ta đã chuyển đổi nền kinh tế thị trường và mới được gia nhập hội nhập kinh tế Quốc Tế (WTO) có sự điều tiết của nhà nước thì các doanh nghiệp nói chung đã và đang hoàn toàn độc lập tự chủ trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Điều này cho phép phát huy một cách tốt nhất các tiềm năng có sẵn trong doanh nghiệp. Đồng thời cũng đặt ra cho các doanh nghiệp các bài toán nan giải đó là: “ Doanh nghiệp phải làm sao để có thể tồn tại và phát triển trong một nền kinh tế thị trường đầy biến động, đầy mạnh cạnh tranh, và thách thức ngày nay”. Thực tế phát triển kinh tế ở các nước trên thế giới và Việt Nam cho thấy: muốn phát triển, mọi doanh nghiệp đều phải giải quyết được ba vấn đề kinh tế cơ bản, đó là: quyết định sản xuất cho ai; quyết định sản xuất cái gì; và quyết định sản xuất như thế nào.

Do đó để đứng vững và phát triển trong môi trường kinh doanh hiện tại, việc tổ chức hạch toán kế toán của doanh nghiệp là một việc hết sức nghiêm trọng. Trong đó, công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một khâu cơ bản của hạch toán kế toán trong doanh nghiệp.

Xuất phát từ vai trò, nhận thức được tầm quan trọng của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, trong quá trình thực tập tại Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt, cùng với những kiến thức đã được các thầy, các cô của trường Đại học Dân lập Hải Phòng truyền dạy và sự tận tình chỉ bảo giúp đỡ của ban lãnh đạo, phòng ban trong công ty, em đã mạnh dạn đi sâu vào nghiên cứu và hoàn thành khóa luận tốt nghiệp với đề tài: “ Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt”.

Mục đích nghiên cứu:

Các vấn đề về lý luận cơ bản và thực tiễn của công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt.

Đề xuất một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần đầu tư phát triển

Hoàng Đạt.

Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

Đối tượng nghiên cứu: Công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt.

Phạm vi nghiên cứu: Bài nghiên cứu trình bày kết quả nghiên cứu về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt.

Phương pháp nghiên cứu:

Phương pháp thống kê

Phương pháp phân tích tổng hợp, so sánh

Phương pháp liên hệ

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung của khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt.

Trong thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt, với những kiến thức đã được học và sự hướng dẫn tận tình của GV ThS. Nguyễn Văn Thụ, sự chỉ bảo giúp đỡ của ban lãnh đạo, phòng ban trong công ty, em đã học thêm một số kiến thức thực tế về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, từ đó củng cố thêm kiến thức cho bản thân để hoàn thành bài khóa luận của mình. Song với kiến thức chuyên ngành còn hạn chế, kinh nghiệm ít ỏi, em rất mong được các thầy cô góp ý, chỉ bảo để bài khóa luận của em hoàn thiện hơn.

Hải Phòng, ngày 25 tháng 6 năm 2012

Sinh viên

Bùi Thị Hoài Hạnh

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

1.1.1 Sự cần thiết của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Hiện nay, trong nền kinh tế thị trường ngày càng phát triển và luôn có sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức. Để đứng vững trên con đường mình đang đi các doanh nghiệp cần có sự quản lý tốt hoạt động sản xuất kinh doanh, tiết kiệm chi phí và phấn đấu nâng cao doanh thu, lợi nhuận. Do vậy, có thể thấy khi tổ chức công tác kế toán một cách khoa học, hợp lý sẽ đem lại cho doanh nghiệp nhiều thông tin quan trọng phục vụ cho quản lý của doanh nghiệp có hiệu quả. Công tác cải thiện và hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng cần được doanh nghiệp chú trọng và quan tâm.

Việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tốt giúp cho doanh nghiệp xác định hiệu quả của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí bảo đảm cho doanh nghiệp thu hồi vốn nhanh, mở rộng sản xuất kinh doanh.

Các thông tin, tài liệu và số liệu về doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh là căn cứ quan trọng đối với doanh nghiệp, nhà nước, các tổ chức tài chính trung gian và cả với nhà cung cấp. Chúng được dùng để phân tích, đánh giá tình hình tiền vốn, tài sản, lao động thực hiện kế hoạch kinh doanh trong doanh nghiệp để có quyết định quản lý phù hợp; là căn cứ để ra quyết định cho vay vốn đầu tư; là căn cứ để quyết định cho doanh nghiệp chậm thanh toán; cũng như việc xác định

doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không những đem lại nguồn thu cho ngân sách mà còn đảm bảo nguồn vốn đầu tư của Nhà nước không bị thất thoát.

1.1.2 Vai trò của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp có vai trò và ý nghĩa quan trọng cho sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Đầu tiên phải kể đến doanh thu, doanh thu được thể hiện thông qua quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ... là nguồn tài chính đảm bảo cho mọi khoản chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh, giúp cho doanh nghiệp tái sản xuất cũng như mở rộng sản xuất kinh doanh, có thể là nguồn tham gia góp vốn cổ phần, liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp tổ chức khác, ngoài ra nó cũng là một phần để doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Doanh thu có vai trò quan trọng đối với doanh nghiệp cũng như nền kinh tế thị trường, phải làm sao cho doanh thu đủ để bảo đảm các khoản chi phí đã bỏ ra trong quá trình sản xuất và tiêu thụ nếu không doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về tài chính. Và cũng từ doanh thu ta xác định được kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Kết quả kinh doanh là kết quả sau cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh trong một thời kỳ nhất định. Nó có thể đưa ra những chiến lược sản xuất, những phương hướng phát triển doanh nghiệp nhằm giúp cho doanh thu, lợi nhuận ngày càng tăng cao và giảm được chi phí tới mức tối ưu.

1.1.3 Yêu cầu, nhiệm vụ của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Để phát huy tốt vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

- Lựa chọn phương pháp xác định đúng giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chi tiêu lãi gộp hàng hóa.

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời chính xác tình hình biến động của từng loại hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại, giá trị.

- Tổ chức ghi chép, theo dõi, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời và giám sát chặt chẽ các khoản doanh thu, giảm trừ doanh thu và chi phí của doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi chi tiết, cụ thể tình hình thanh toán của đối tượng khách hàng.

- Phản ánh đúng và đầy đủ các chi phí phát sinh như giá vốn, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, phân bổ chi phí sao cho hợp lý...

- Tham gia kiểm kê, đánh giá, lập báo cáo về tình hình tiêu thụ sản phẩm, kết quả bán hàng.

- Lập và báo cáo kết quả kinh doanh đúng chế độ, kịp thời cung cấp các thông tin kinh tế cần thiết cho các bên liên quan.

Song song cùng với các nhiệm vụ trên kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh còn có nhiệm vụ kiểm tra, đối chiếu, giám sát tình hình thực hiện bán hàng, lợi nhuận và nghĩa vụ nộp thuế đối với Nhà nước.

Có thể thấy, trong nền kinh tế thị trường hiện nay, tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò đặc biệt quan trọng. Doanh nghiệp cần thực hiện tốt công tác quản lý, công tác kế toán một cách khoa học hợp lý và đội ngũ kế toán phải có trình độ chuyên môn nhất định có như vậy các nhiệm vụ trên mới đạt hiệu quả tốt nhất mang lại lợi ích cho doanh nghiệp.

1.1.4 Một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Doanh thu và các khoản doanh thu:

Doanh thu: Là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là toàn bộ số tiền thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung

cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

$$\begin{array}{l} \text{Doanh thu thuần về bán} \\ \text{hàng và cung cấp dịch vụ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu bán hàng và} \\ \text{cung cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản giảm} \\ \text{trừ doanh thu} \end{array}$$

Doanh thu tiêu thụ nội bộ: Là số tiền thu được do bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

Doanh thu hoạt động tài chính: Là các khoản thu nhập liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Thu nhập khác: Là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động tạo ra doanh thu.

Và theo như chuẩn mực kế toán Việt Nam thì doanh thu bao gồm: Tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ hạch toán, phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu. Các khoản thu hộ và các khoản góp vốn của cổ đông hoặc chủ sở hữu không phải là doanh thu.

Các khoản giảm trừ doanh thu:

Chiết khấu thương mại: Là khoản tiền mà người mua hàng được hưởng do mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ với số lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua bán hàng.

Giảm giá hàng bán: Là khoản tiền mà bên bán giảm trừ cho bên mua hàng trong trường hợp đặc biệt như: do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách...

Hàng bán bị trả lại: Là số sản phẩm, hàng hóa mà doanh nghiệp đã ghi nhận doanh thu nhưng bị khách hàng trả lại do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng hoặc hàng kém phẩm chất, hàng sai quy cách...

Thuế tiêu thụ đặc biệt: Là loại thuế đánh vào hàng hóa, dịch vụ thuộc đối

tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt như: rượu, bia, thuốc lá ...

Thuế xuất khẩu: Là loại thuế tính trên doanh thu của các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc bán vào các khu chế xuất.

Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp: Là thuế tính thêm trên giá trị gia tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ.

Chi phí và các loại chi phí:

Chi phí: Là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một thời kỳ nhất định.

Giá vốn hàng bán: Là giá trị thực tế xuất kho của một số sản phẩm, hàng hóa bao gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ (đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế sản phẩm, lao vụ, dịch vụ hoàn thành (đối với doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ) đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Chi phí bán hàng: Là toàn bộ chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ như: chi phí quảng cáo sản phẩm, chi phí hoa hồng bán hàng...

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp như: chi phí vật liệu văn phòng, thuế môn bài, chi phí dịch vụ mua ngoài...

Chi phí hoạt động tài chính: Là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính.

Chi phí khác: Là các khoản chi phí phát sinh ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường như: chi phí thanh lý, chi phí nhượng bán TSCĐ...

✚ Xác định kết quả kinh doanh:

Kết quả kinh doanh: Là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính, hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và phụ.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	=	Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Giá vốn hàng bán	-	Chi phí bán hàng	-	Chi phí quản lý doanh nghiệp
---------------------------------------	---	---	---	------------------	---	------------------	---	------------------------------

Kết quả hoạt động tài chính: Là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời được xác định bằng chênh lệch giữa doanh thu hoạt động và chi phí tài chính.

Kết quả hoạt động khác: Là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp được xác định bằng chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác.

1.1.5 Bán hàng và các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp

1.1.5.1 Bán hàng

Bán hàng: Là quá trình bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.

Cung cấp dịch vụ: Là thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng theo một kỳ hoặc nhiều kỳ kế toán.

Có thể nhận thấy rằng sản phẩm, hàng hóa nhằm để phục vụ nhu cầu tiêu dùng cho cả khách hàng và nội bộ doanh nghiệp và quá trình bán hàng thực chất là quá trình trao đổi quyền sở hữu giữa người bán và người mua trên thị trường. Khi doanh nghiệp thực hiện tốt công việc bán hàng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu hồi vốn, các khoản chi phí đã bỏ ra và thực hiện nghĩa vụ với NSNN.

1.1.5.2 Các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp.

Phương thức giao hàng trực tiếp: Là phương thức bên mua cử đại diện đến doanh nghiệp để nhận hàng, doanh nghiệp trực tiếp giao hàng cho bên mua. Sau khi bên mua đã nhận đủ hàng, thanh toán đầy đủ tiền hàng hoặc chấp nhận nợ thì chính thức hàng bán được coi là tiêu thụ.

Phương thức chuyển hàng chờ nhận: Là bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng, hàng hóa chuyển bán vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Hàng hóa được xác định là tiêu thụ và bên bán mất quyền sở hữu khi người mua chấp nhận thanh toán một phần hay toàn bộ số hàng chuyển giao. Chi phí vận chuyển tính theo sự thỏa thuận ghi trên hợp đồng của hai bên.

Phương thức bán hàng trực tiếp: Là hình thức nhân viên bán hàng vừa là người bán và người thu tiền giao hàng cho khách hàng và ghi vào thẻ quầy hàng.

Phương thức bán hàng thu tiền tập trung: Là hình thức bán hàng và thu tiền tách rời nhau. Khách hàng sau khi nhận hàng của nhân viên bán hàng sẽ thanh toán tiền hàng tại quầy của nhân viên thu tiền (viết hóa đơn và nhận tiền).

Phương thức bán hàng gửi đại lý: Là phương thức mà bên giao đại lý xuất hàng cho bên nhận đại lý để bán hàng, bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng.

+ Đối với bên giao đại lý: Doanh nghiệp giao hàng cho bên nhận đại lý, bên đại lý sẽ trực tiếp bán hàng, thanh toán tiền hàng cho doanh nghiệp và được hưởng hoa hồng đại lý bán.

+ Đối với bên nhận đại lý: Với số hàng bán đại lý không phải chủ sở hữu nhưng cũng có trách nhiệm bảo quản, bán hộ và được hưởng tiền hoa hồng như trong hợp đồng đã ký.

Phương thức bán hàng trả góp, trả chậm: Là phương thức doanh nghiệp bán hàng thu tiền nhiều lần (người mua được trả tiền mua hàng nhiều lần). Người mua sẽ thanh toán lần đầu tại thời điểm mua, sau đó số tiền còn lại sẽ trả chậm sau làm nhiều lần theo như thỏa thuận trong hợp đồng và chịu một tỷ lệ lãi suất

nhất định.

Phương thức hàng đổi hàng: Khi doanh nghiệp xuất hàng hóa trao đổi với khách hàng thì kế toán ghi nhận doanh thu bán hàng và tính thuế GTGT đầu ra còn khi doanh nghiệp nhận hàng của khách thì kế toán ghi hàng nhập kho và tính thuế GTGT đầu vào.

Phương thức bán hàng nội bộ: Là hình thức hàng hóa được tiêu thụ trong doanh nghiệp của mình (mua bán sản phẩm, hàng hóa giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới hay giữa các đơn vị cấp dưới với nhau).

1.1.6 Các phương thức thanh toán

- **Phương thức thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt:** Người mua hàng thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt cho người bán sau khi đã nhận đầy đủ hàng hóa. Hình thức thanh toán này thường được sử dụng đối với các mặt hàng bán với số lượng ít, bán lẻ...

- **Phương thức thanh toán qua ngân hàng:** Hiện nay phương thức thanh toán qua ngân hàng đối với doanh nghiệp và khách hàng ngày càng phổ biến và đa dạng. Khách hàng có thể thanh toán bằng séc, ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu...

1.2 NỘI DUNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán hàng

Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Doanh thu bán hàng bao gồm:

+ **Bán hàng:** Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra và bán hàng hóa mua vào.

+ Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một hay nhiều kỳ kế toán.

+ Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia.

✚ Điều kiện ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận doanh thu khi thỏa mãn đồng thời 5 điều kiện sau:

1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
4. Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
5. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

✚ Nguyên tắc hạch toán doanh thu bán hàng

Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT và doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu là giá bán chưa thuế GTGT.

Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT và doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán có thuế GTGT).

Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, thuế XK thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán đã bao gồm cả thuế TTĐB hoặc thuế XK).

Doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu số tiền thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần

hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

Đối với bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu đã xác định.

Chứng từ kế toán sử dụng:

- Hóa đơn GTGT (mẫu 01 – GTKT)
- Hóa đơn bán hàng (mẫu 02 – GTTT)
- Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng, ủy nhiệm thu, séc thanh toán, séc chuyển khoản...
- Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho
- Hợp đồng mua bán, biên bản giao nhận hàng hóa
- Các chứng từ khác có liên quan...

Sổ sách kế toán sử dụng

- Bảng kê hóa đơn chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra.
- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi (mẫu 14 – BH)
- Sổ cái TK 511, TK 512..

Tài khoản sử dụng

Hạch toán kế toán liên quan đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp thường sử dụng các tài khoản sau:

❖ TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

TK 511 không có số dư cuối kỳ và có 6 tài khoản cấp 2:

TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa

TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm

TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá

TK 5117: Doanh thu bất động sản đầu tư

TK 5118: Doanh thu khác

Kết cấu tài khoản 511

➤ Bên nợ

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp.

- Số thuế TTĐB, thuế XK phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được nhận là đã bán trong kỳ kế toán.

- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.

- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.

- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.

- Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

➤ Bên có

- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, cung cấp lao vụ, dịch vụ trong kỳ và doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.

- Các khoản phụ giá, trợ thu được tính vào doanh thu.

❖ TK 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của một số sản phẩm hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

TK 512 không có số dư cuối kỳ và có 3 tài khoản cấp 2:

TK 5121: Doanh thu bán hàng hóa

TK 5122: Doanh thu bán thành phẩm

TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ

Kết cấu của tài khoản 512

➤ Bên nợ

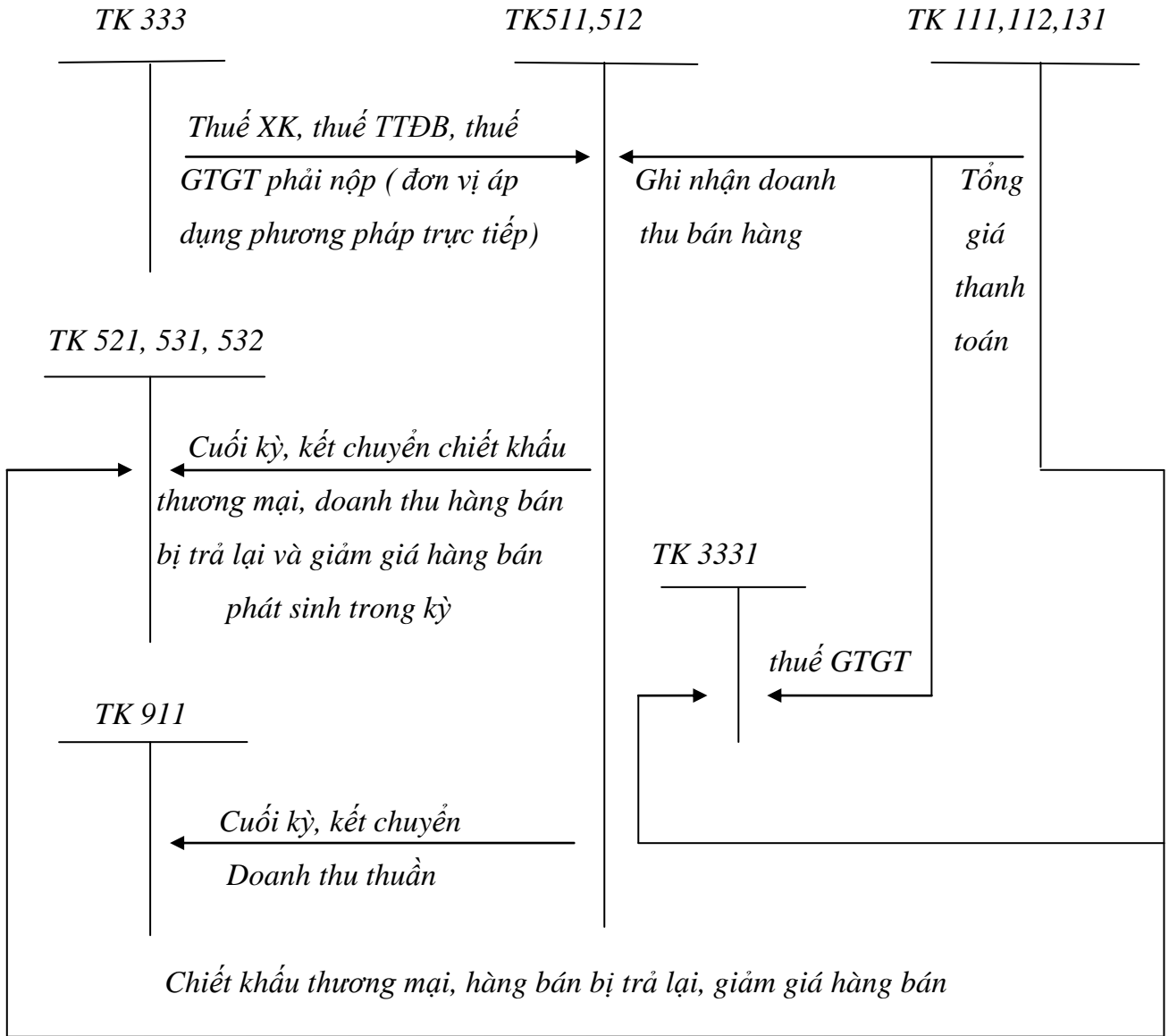
- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.
- Số thuế TTĐB phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã bán nội bộ.
- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa dịch vụ tiêu thụ đặc biệt.
- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào TK 911.

➤ Bên có

- Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.
- ✚ Phương pháp hạch toán doanh thu theo các phương pháp bán hàng.

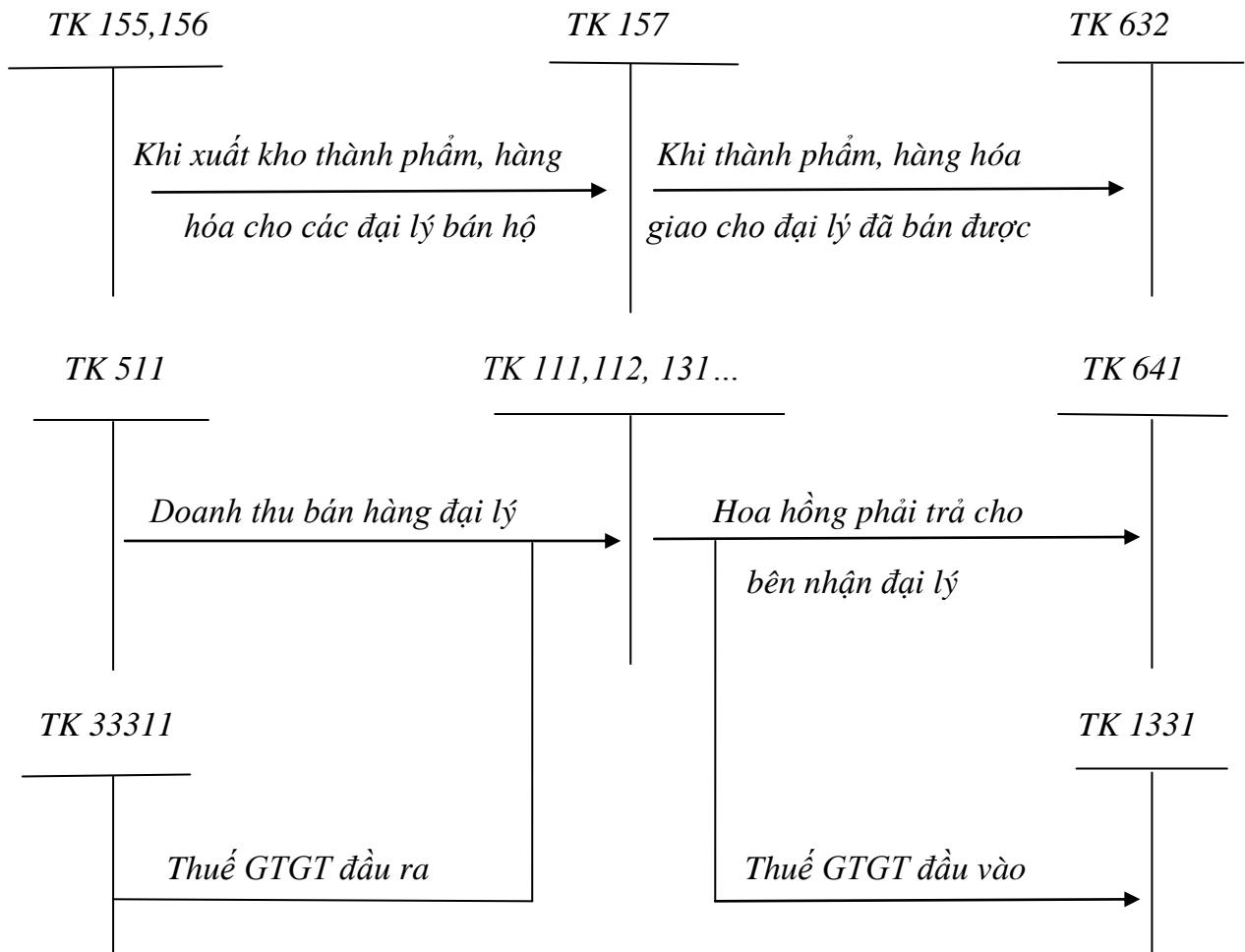
❖ **Hạch toán doanh thu theo phương thức bán trực tiếp**

Sơ đồ 1.1: Hạch toán doanh thu theo phương thức bán trực tiếp



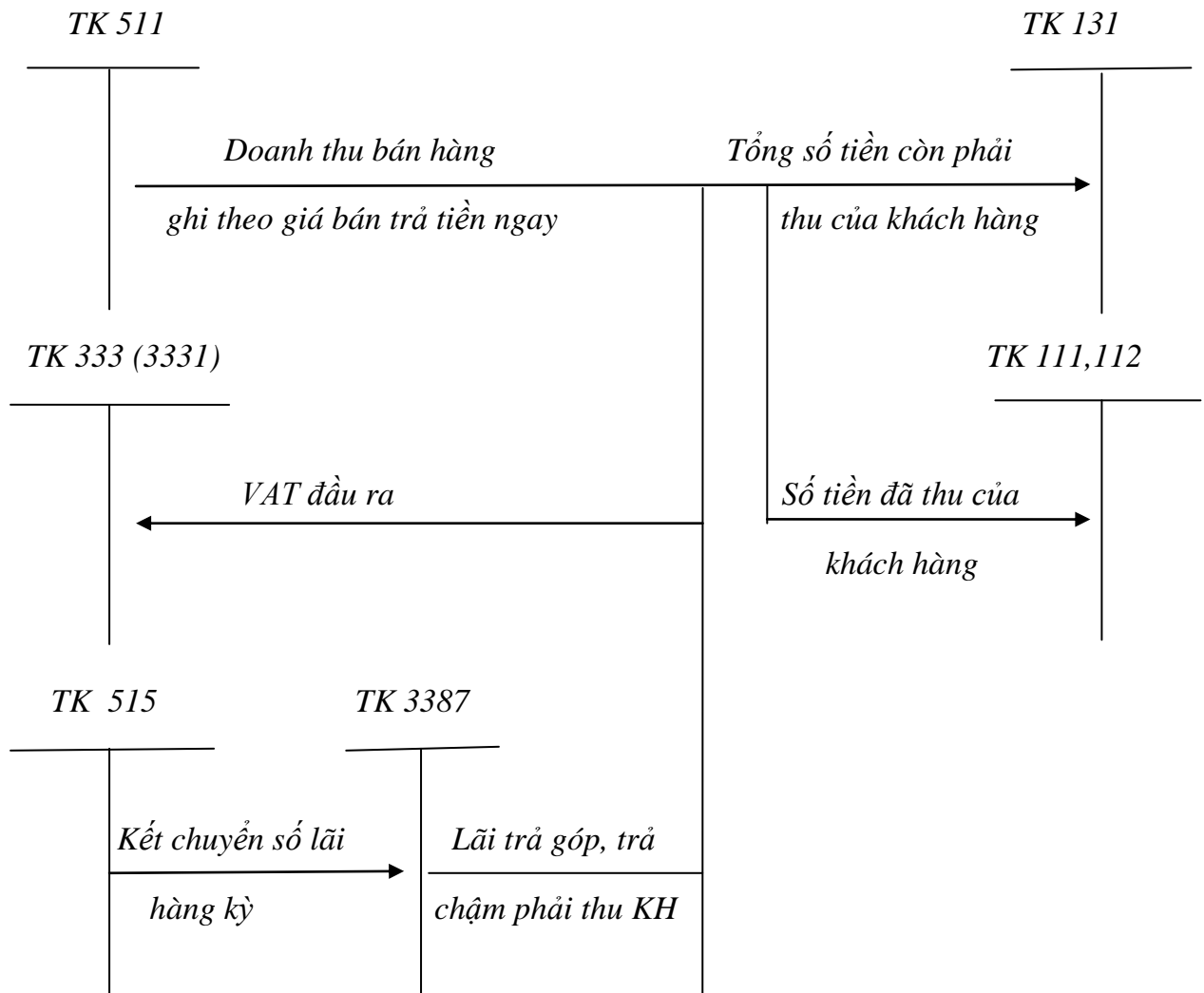
❖ **Hạch toán doanh thu theo phương thức gửi đại lý:**

Sơ đồ 1.2: Hạch toán doanh thu theo phương thức gửi đại lý



❖ Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả góp:

Sơ đồ 1.3: Hạch toán doanh thu theo phương thức trả góp



1.2.1.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu như: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp, thuế TTĐB, thuế XK được tính vào doanh thu ghi nhận ban đầu.

Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy báo nợ, ủy nhiệm chi
- Các chứng từ khác có liên quan...

Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 521 – Chiết khấu thương mại

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (sản phẩm, hàng hóa), dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.

TK 521 không có số dư cuối kỳ, có 3 tài khoản cấp 2:

TK 5211 – Chiết khấu hàng hóa

TK 5212 – Chiết khấu thành phẩm

TK 5213 – Chiết khấu dịch vụ

➤ Bên Nợ:

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

➤ Bên Có:

- Kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán.

❖ Tài khoản 531 – Hàng bán bị trả lại

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ

đã xác định tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại do nguyên nhân như: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất hoặc kém phẩm chất, hàng không đúng chủng loại hoặc quy cách.

TK 531 không có số dư cuối kỳ.

➤ **Bên nợ:**

- Trị giá của hàng bán bị trả lại phát sinh trong kỳ, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào nợ phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.

➤ **Bên có:**

- Kết chuyển trị giá hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần.

❖ **Tài khoản 532 – Giảm giá hàng bán**

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh trong kỳ kế toán do hàng bán kém phẩm chất, không đúng quy cách theo yêu cầu trong hợp đồng đã ký kết.

TK 532 không có số dư cuối kỳ.

➤ **Bên nợ:**

- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho khách hàng được hưởng.

➤ **Bên có:**

- Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ sang tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán.

❖ **Các khoản thuế làm giảm doanh thu:**

- Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu và thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp là các khoản thuế được xác định trực tiếp trên doanh thu bán hàng theo quy định hiện hành của các luật thuế tùy thuộc vào từng mặt hàng khác nhau.

- Khi bán các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ chịu thuế TTĐB, thuế XK và thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

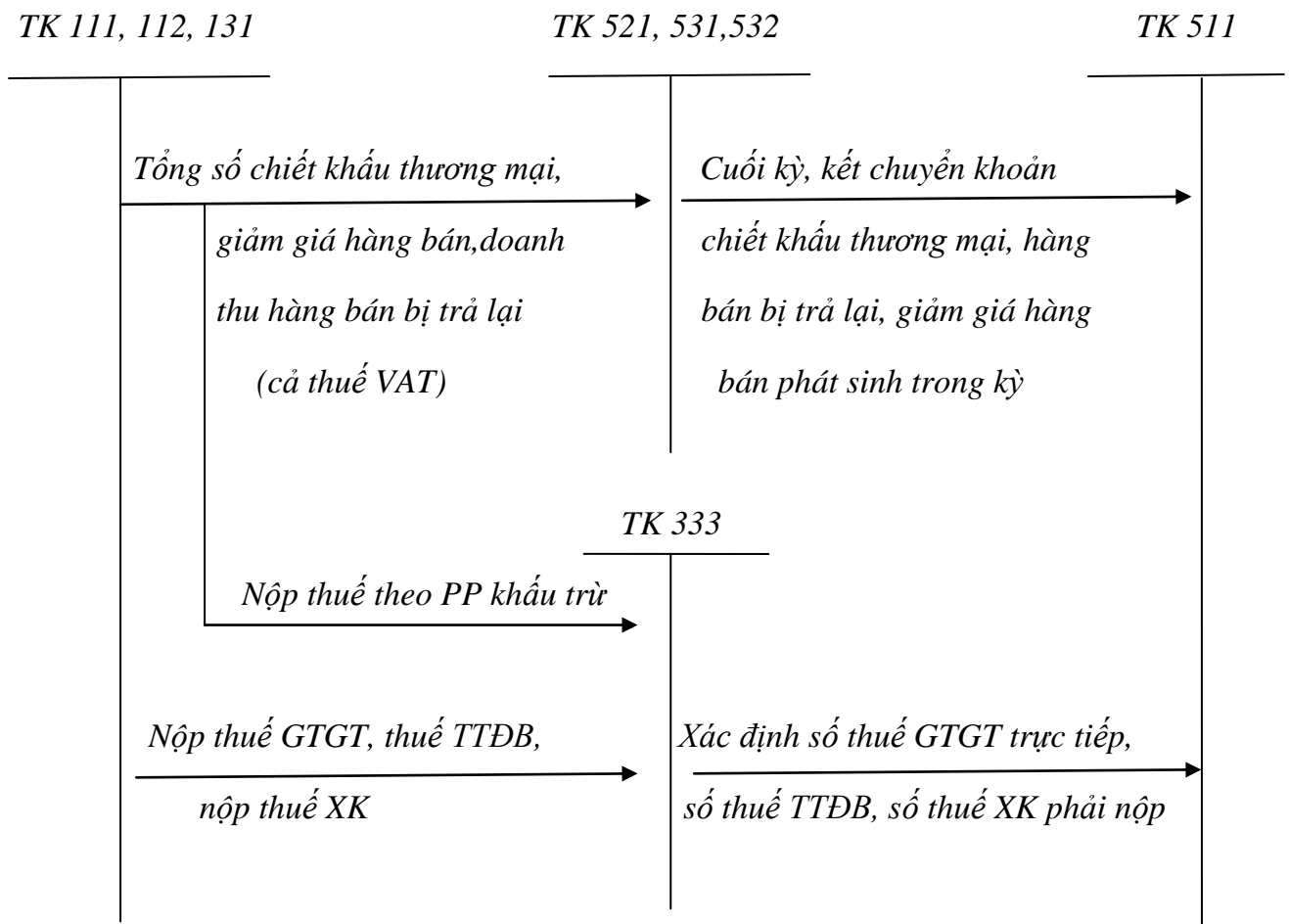
được ghi nhận theo tổng giá thanh toán (giá bán bao gồm cả thuế).

- Số thuế GTGT cuối kỳ phải nộp và thuế TTĐB, thuế XK được ghi giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

$$\begin{aligned}
 \text{Thuế TTĐB} &= \text{Giá tính thuế TTĐB} * \text{Thuế suất} \\
 \text{Số thuế GTGT phải nộp} &= \text{GTGT của hàng hóa, dịch vụ} * \text{Thuế suất thuế GTGT (\%)} \\
 \text{Thuế XK} &= \text{Giá tính thuế} * \text{Thuế suất thuế XK}
 \end{aligned}$$

Tài khoản sử dụng: Thuế GTGT phải nộp (TK 3331); Thuế TTĐB (TK 3332); Thuế XK (TK 3333).

Sơ đồ 1.4: Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu



1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hóa hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Các doanh nghiệp hiện nay, tùy thuộc vào sự hoạt động sản xuất của doanh nghiệp mà chọn ra cho mình một phương pháp tính giá vốn hàng bán phù hợp qua các phương pháp sau:

✚ Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO)

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

✚ Phương pháp nhập sau – xuất trước (LIFO)

Phương pháp này giả định là hàng được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là những hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ.

✚ Phương pháp bình quân gia quyền:

Trị giá hàng xuất kho = Đơn giá bình quân * Số lượng hàng xuất kho

- Nếu đơn giá bình quân được tính cho cả kỳ được gọi là phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá thực tế tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

- Nếu đơn giá bình quân được tính cho từng lần nhập được coi là phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn:

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng thực tế hàng tồn kho sau lần nhập thứ } i}$$

✚ Phương pháp thực tế đích danh:

Theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương pháp án tốt, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá thực tế của nó.

✚ Chứng từ sử dụng

- Phiếu nhập kho (Mẫu 01 – VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu 02 – VT)
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 03 – VT)
- Các chứng từ khác có liên quan...

✚ Tài khoản sử dụng: TK 632 – Giá vốn hàng bán

➤ Bên Nợ:

- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh:
 - + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
 - + Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp vượt trên mức bình thường được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
 - + Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
 - + Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.

+ Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước).

- Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, phản ánh:

+ Số khấu hao bất động sản đầu tư trích trong kỳ.

+ Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo bất động sản đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá bất động sản đầu tư.

+ Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động bất động sản đầu tư trong kỳ.

+ Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư bán, thanh lý trong kỳ.

+ Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ.

➤ **Bên Có:**

- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).

- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”.

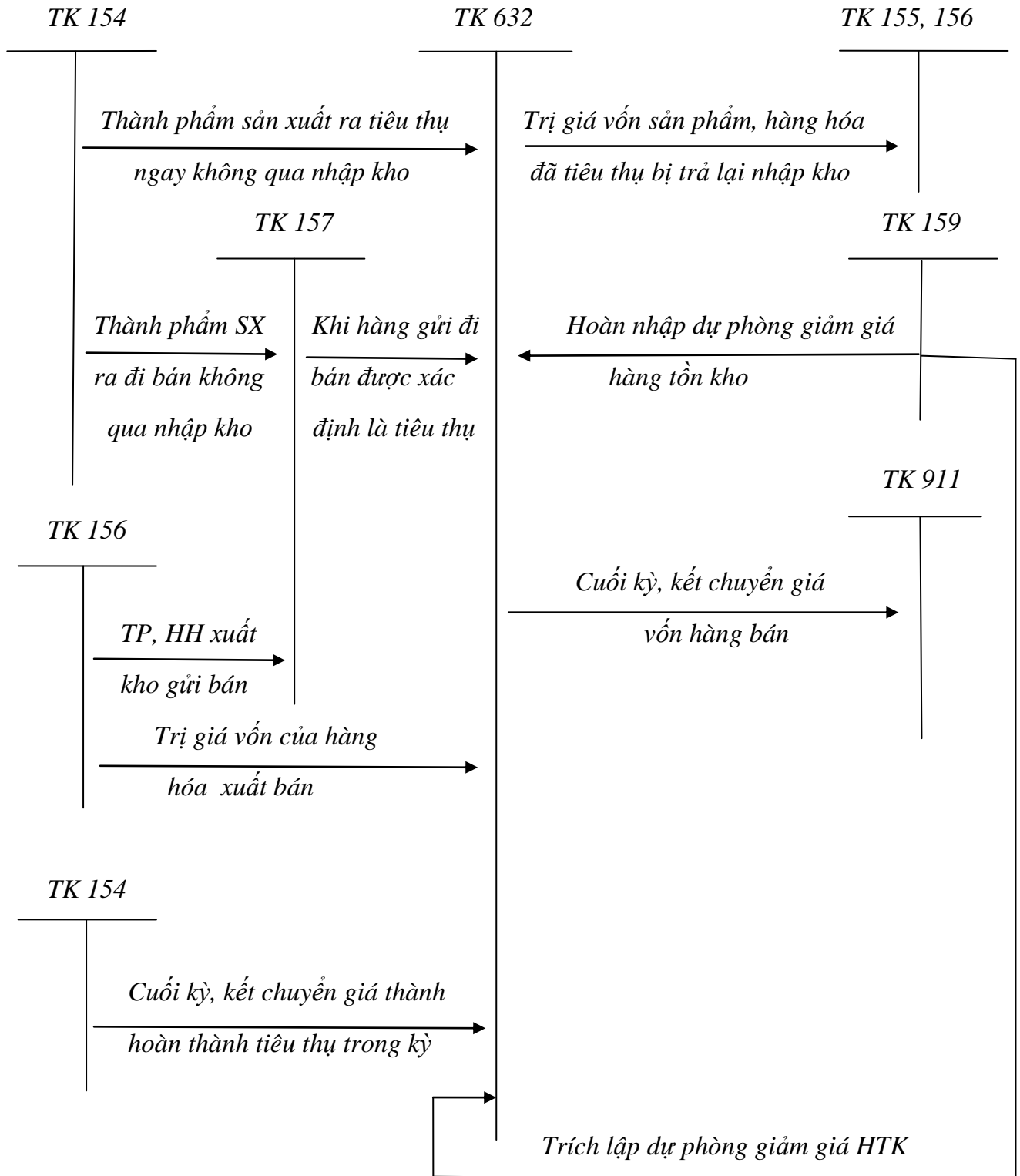
- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên:**

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp kế toán tổ chức ghi chép thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho và tồn kho của hàng hóa. Trị giá vốn của hàng hóa tồn kho trên tài khoản, sổ kế toán được xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

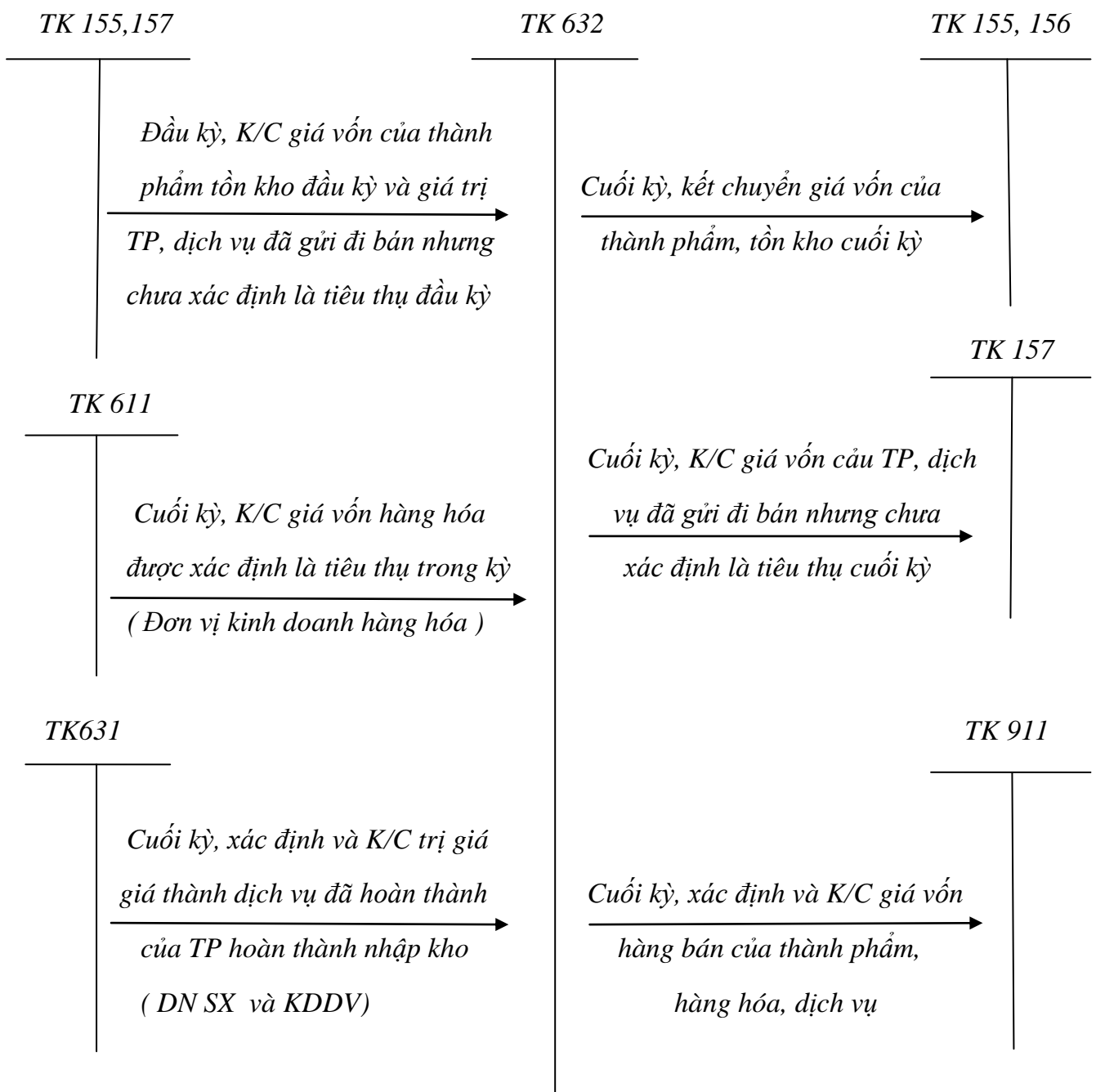
Sơ đồ 1.5: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



❖ Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp kế toán không tổ chức ghi chép một cách thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho, và tồn kho của thành phẩm hàng hóa trên các tài khoản hàng tồn kho TK 152,155... Các TK này chỉ phản ánh trị giá vốn của hàng hóa đầu kỳ và cuối kỳ.

Sơ đồ 1.6: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.2.3 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là toàn bộ các chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ, bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng: Là toàn bộ các khoản tiền lương và các khoản trích theo lương phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, bảo quản vận chuyển sản phẩm, hàng hóa.

- Chi phí vật liệu, bao bì: Là giá trị của vật liệu, bao bì dùng để đóng gói bảo quản, vận chuyển sản phẩm, hàng hóa hay sửa chữa TSCĐ ở khâu bán hàng.

- Chi phí dụng cụ, đồ dùng: Là giá trị công cụ, đồ dùng phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa như dụng cụ đo lường, phương tiện tính toán, phương tiện làm việc...

- Chi phí khấu hao TSCĐ: Dùng ở khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ như nhà kho, cửa hàng, phương tiện vận chuyển...

- Chi phí bảo hành sản phẩm: Là chi phí bỏ ra để sửa chữa, bảo hành sản phẩm, hàng hóa trong thời gian quy định về bảo hành.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Là các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa như: Thuê tài sản, thuê kho, thuê bến bãi, thuê bốc vác, vận chuyển, tiền hoa hồng đại lý...

- Chi phí bằng tiền khác: Là các khoản chi phí bằng tiền khác phát sinh trong khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ nằm ngoài các khoản kể trên như: Chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm...

Chứng từ kế toán sử dụng:

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKT - 3LL)

- Phiếu chi (Mẫu số 02 – TT)

- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng

- Bảng tính và phân bổ KH – TSCĐ
- Bảng phân bổ lương và các khoản trích theo lương (Mẫu số 11 – LĐTL)
- Các chứng từ khác có liên quan...

Sổ sách kế toán sử dụng:

- Sổ chi tiết tài khoản 641
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 641...

Tài khoản kế toán sử dụng: TK 641

➤ **Bên Nợ:**

- Tập hợp các khoản chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ.

➤ **Bên Có:**

- Các khoản giảm trừ chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ.
- Kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ và có 7 tài khoản cấp 2 như sau:

TK 6411: Chi phí nhân viên

TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì

TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng

TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ

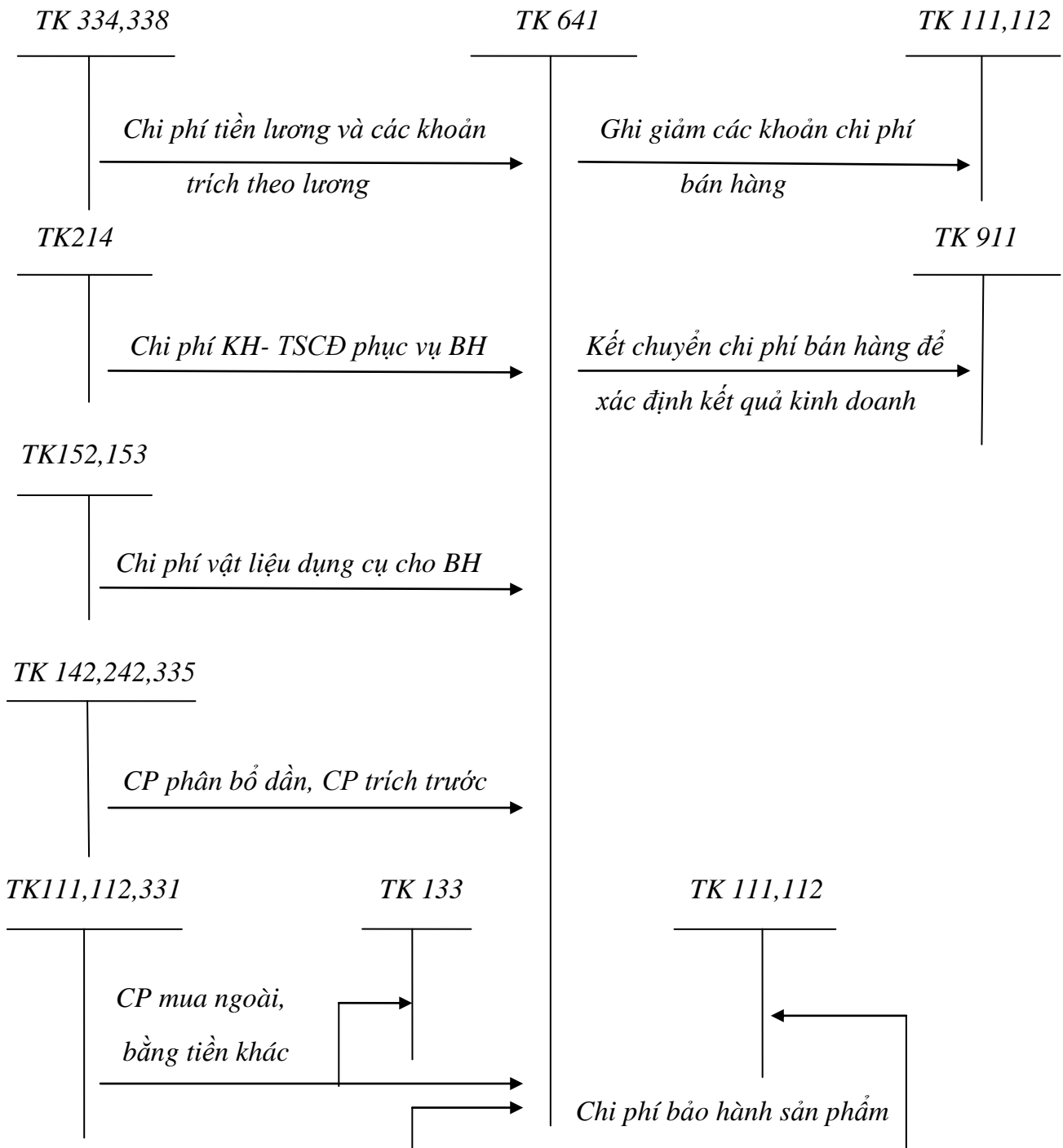
TK 6415: Chi phí bảo hành

TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6418: Chi phí bằng tiền khác.

Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.7: Hạch toán chi phí bán hàng



1.2.3.2 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp, bao gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý: Là toàn bộ các khoản tiền lương và các khoản trích theo lương phải trả cho ban giám đốc, nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp.

- Chi phí vận liệu quản lý: Là giá trị của vật liệu, nhiên liệu xuất dùng cho hoạt động quản lý hay sửa chữa TSCĐ ở các phòng ban.

- Chi phí đồ dùng văn phòng: Là giá trị công cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý chung của doanh nghiệp.

- Chi phí khấu hao TSCĐ: Chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho doanh nghiệp như văn phòng làm việc, kho tàng, vật kiến trúc...

- Thuế, phí và lệ phí: Các khoản thuế như thuế đất, thuế môn bài,... và các khoản phí, lệ phí giao thông, cầu phà...

- Chi phí dự phòng: Là khoản trích dự phòng nợ phải thu khó đòi.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Là các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho quản lý doanh nghiệp như: Điện, nước, điện thoại...

- Chi phí bằng tiền khác: Là các khoản chi phí bằng tiền khác chi chung cho toàn doanh nghiệp ngoài các khoản kể trên như: Chi phí tiếp khách, hội nghị...

Chứng từ kế toán sử dụng:

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKT - 3LL)

- Phiếu chi (Mẫu số 02 – TT)

- Bảng tính và phân bổ KH – TSCĐ

- Bảng phân bổ lương và các khoản trích theo lương (Mẫu số 11 – LĐTL)

- Các chứng từ khác có liên quan...

🚩 Sổ sách kế toán sử dụng:

- Sổ chi tiết tài khoản 642
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 642...

🚩 Tài khoản kế toán sử dụng: TK 642**➤ Bên Nợ:**

- Tập hợp các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.

➤ Bên Có:

- Các khoản giảm trừ chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ.
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ và có 8 tài khoản cấp 2 như sau:

TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý

TK 6422: Chi phí vật liệu, bao bì

TK 6423: Chi phí dụng cụ, đồ dùng

TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ

TK 6425: Thuế, phí và lệ phí

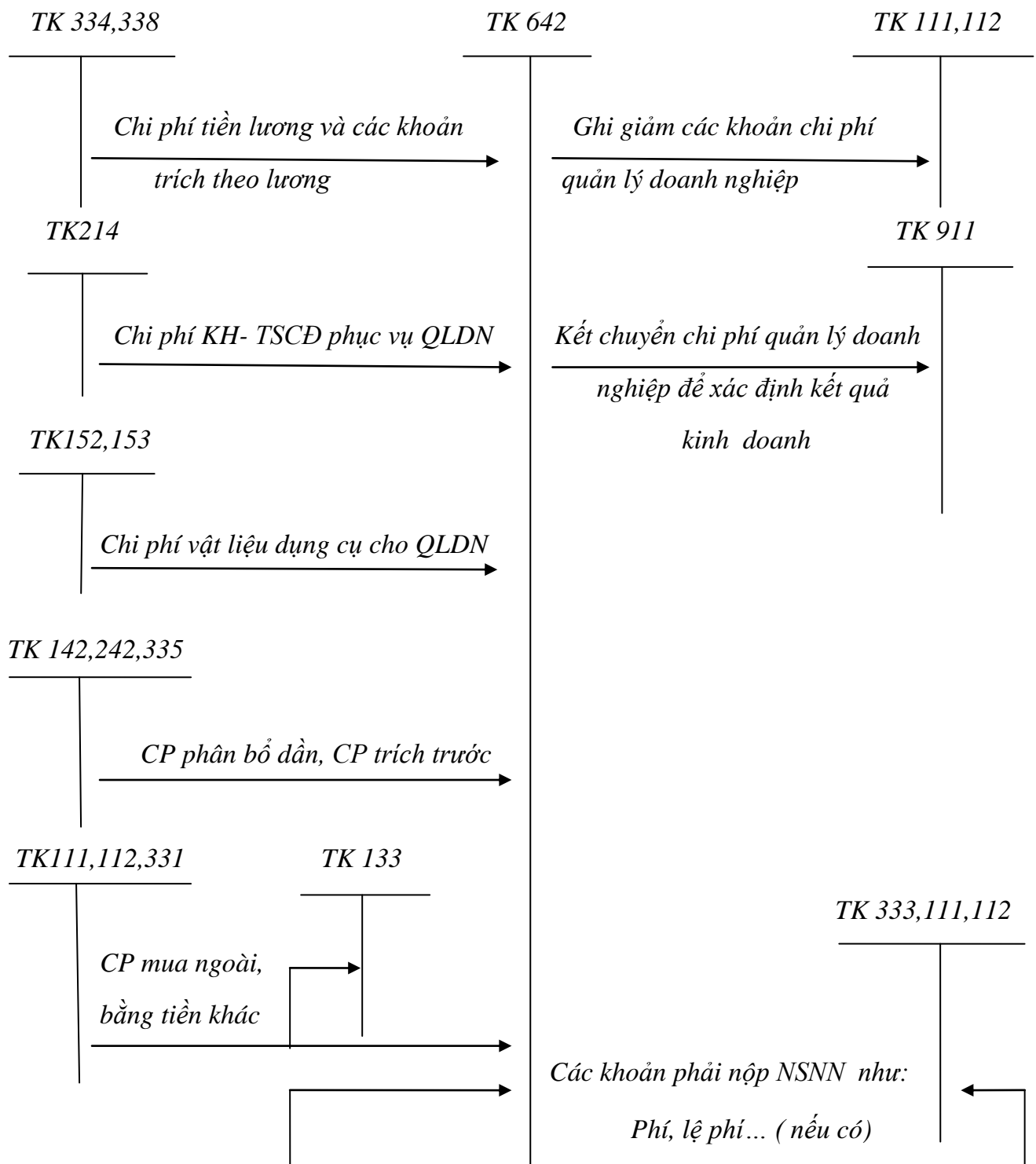
TK 6426: Chi phí dự phòng

TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.8: Hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp



1.2.4 Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

1.2.4.1 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Kế toán doanh thu hoạt động tài chính là những khoản doanh thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn đưa lại, gồm một số nội dung sau:

Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ, lãi tỷ giá hối đoái, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn, các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác...

Chứng từ kế toán sử dụng:

- Phiếu thu (Mẫu số 01 – TT)
- Giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan...

Tài khoản sử dụng: TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

➤ Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.

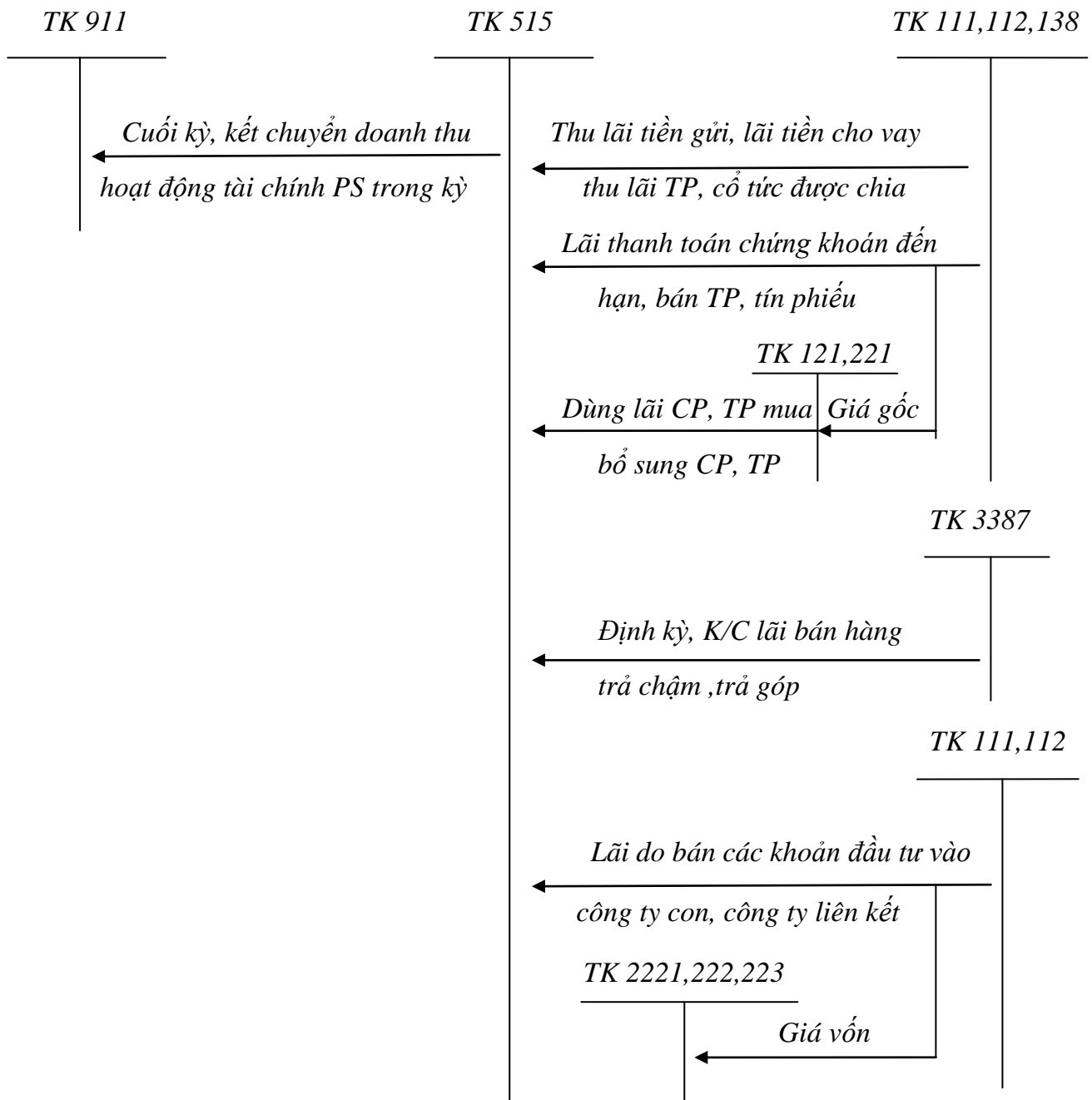
➤ Bên Có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.9: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



1.2.4.2 Kế toán chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính là những khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Chứng từ kế toán sử dụng:

- Phiếu chi (Mẫu số 02 – TT)
- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan...

Tài khoản sử dụng: TK 635 – Chi phí hoạt động tài chính

➤ **Bên Nợ:**

- Các khoản chi phí hoạt động tài chính.
- Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn.
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh; do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán; kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác...

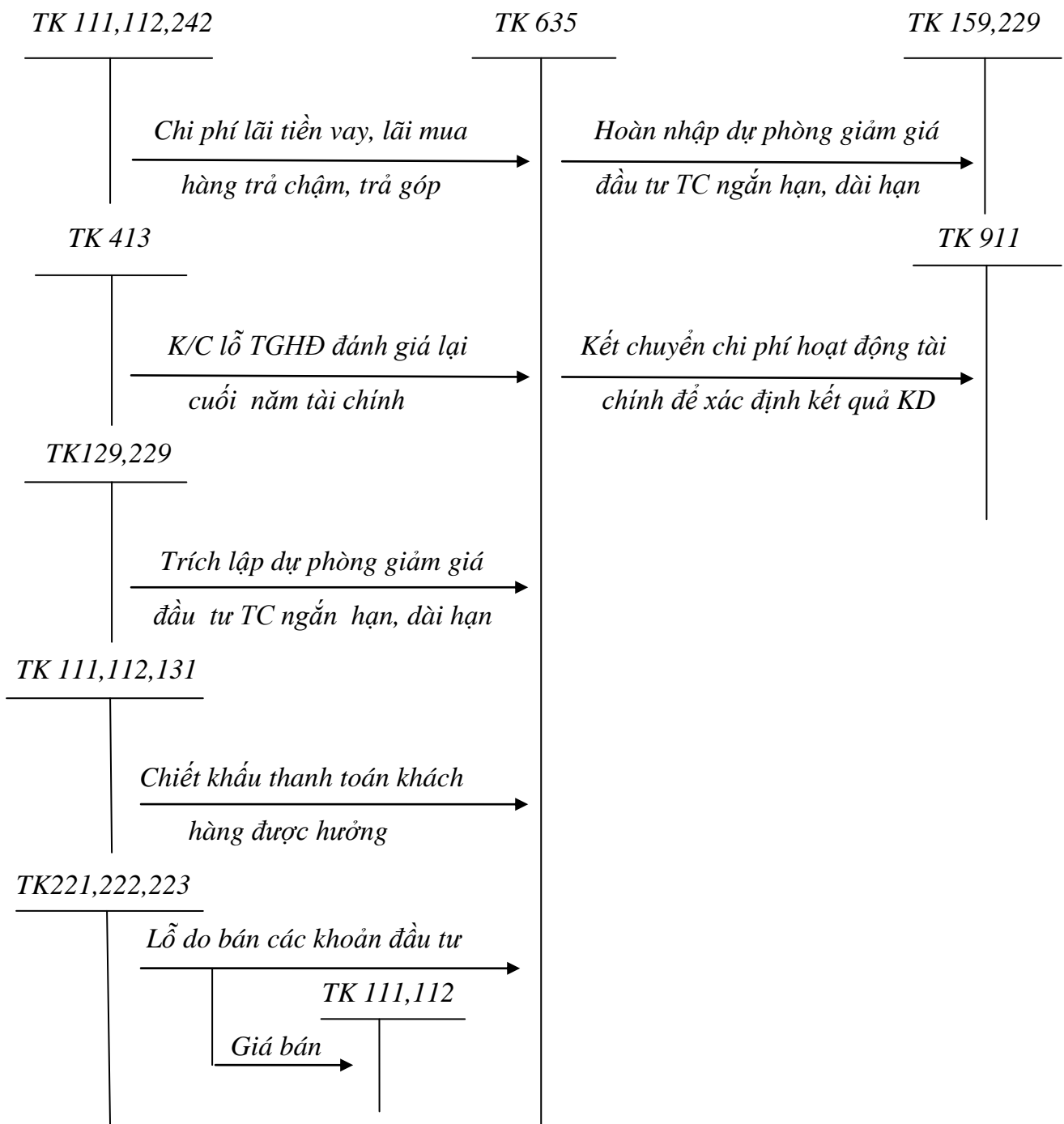
➤ **Bên Có:**

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

TK 635 không có số dư cuối kỳ.

Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.10: Kế toán chi phí hoạt động tài chính



1.2.5 Kế toán chi phí, thu nhập hoạt động khác

1.2.5.1 Kế toán thu nhập hoạt động khác

Thu nhập hoạt động khác: Là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường. Thu nhập hoạt động khác bao gồm một số nội dung sau:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản, thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại...

✚ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu thu; Giấy báo có của Ngân hàng; Biên bản thanh lý TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan...

✚ Tài khoản sử dụng: TK 711 – Thu nhập hoạt động khác.

➤ Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

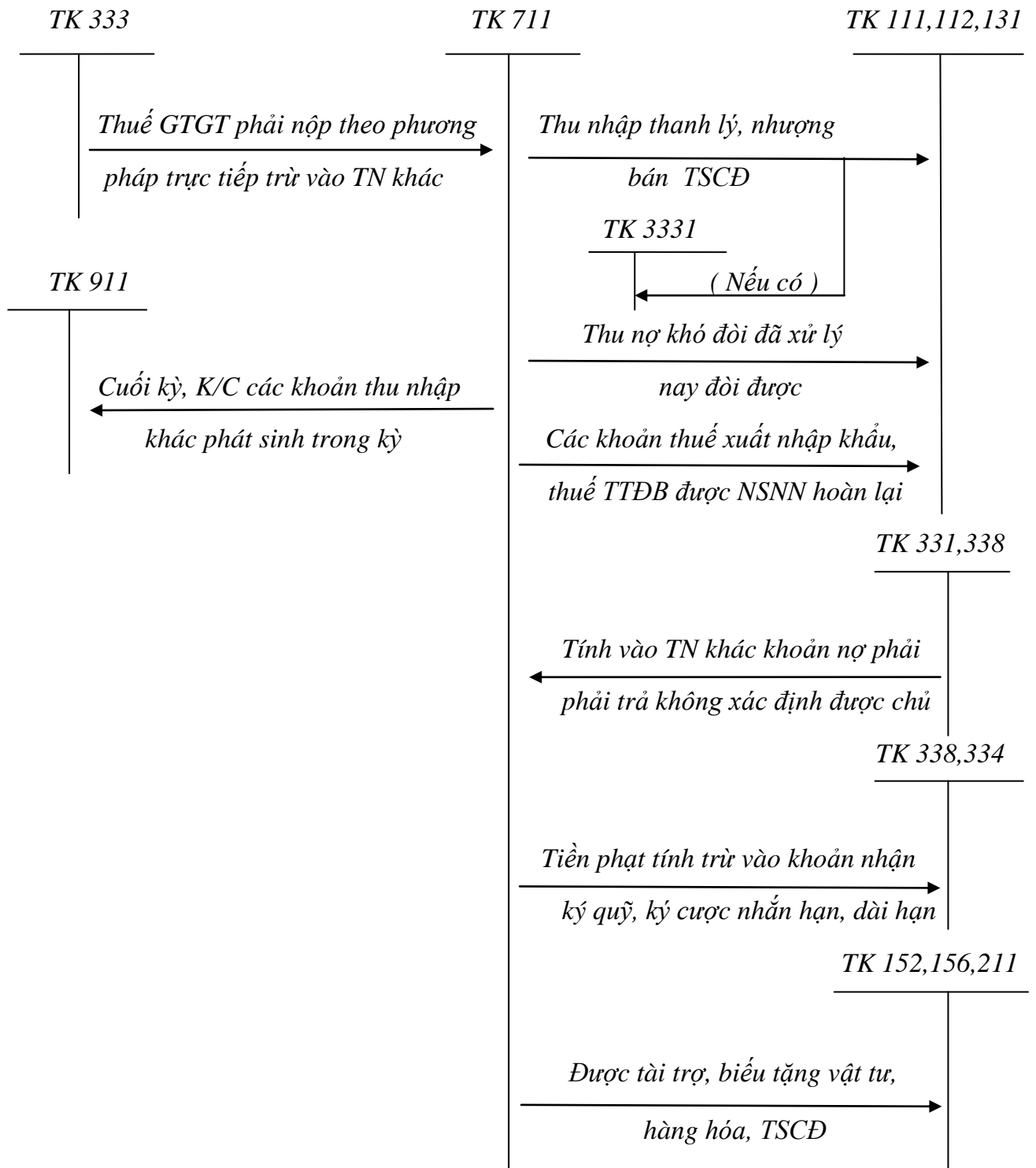
➤ Bên Có:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

TK 711 không có số dư cuối kỳ.

Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.11: Hạch toán thu nhập hoạt động khác



1.2.5.2 Kế toán chi phí hoạt động khác

Chi phí hoạt động khác: Là các khoản chi phí phát sinh ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường. Chi phí khác bao gồm một số nội dung sau:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ chi thanh lý và nhượng bán (Nếu có).

- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.

- Bị phạt do thuế, truy nộp thuế.

- Các khoản chi phí khác...

Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi

- Giấy báo nợ của ngân hàng

- Biên bản thanh lý TSCĐ

- Các chứng từ khác có liên quan...

Tài khoản sử dụng: TK 811 – Chi phí hoạt động khác

➤ Bên Nợ:

- Các khoản chi phí khác phát sinh.

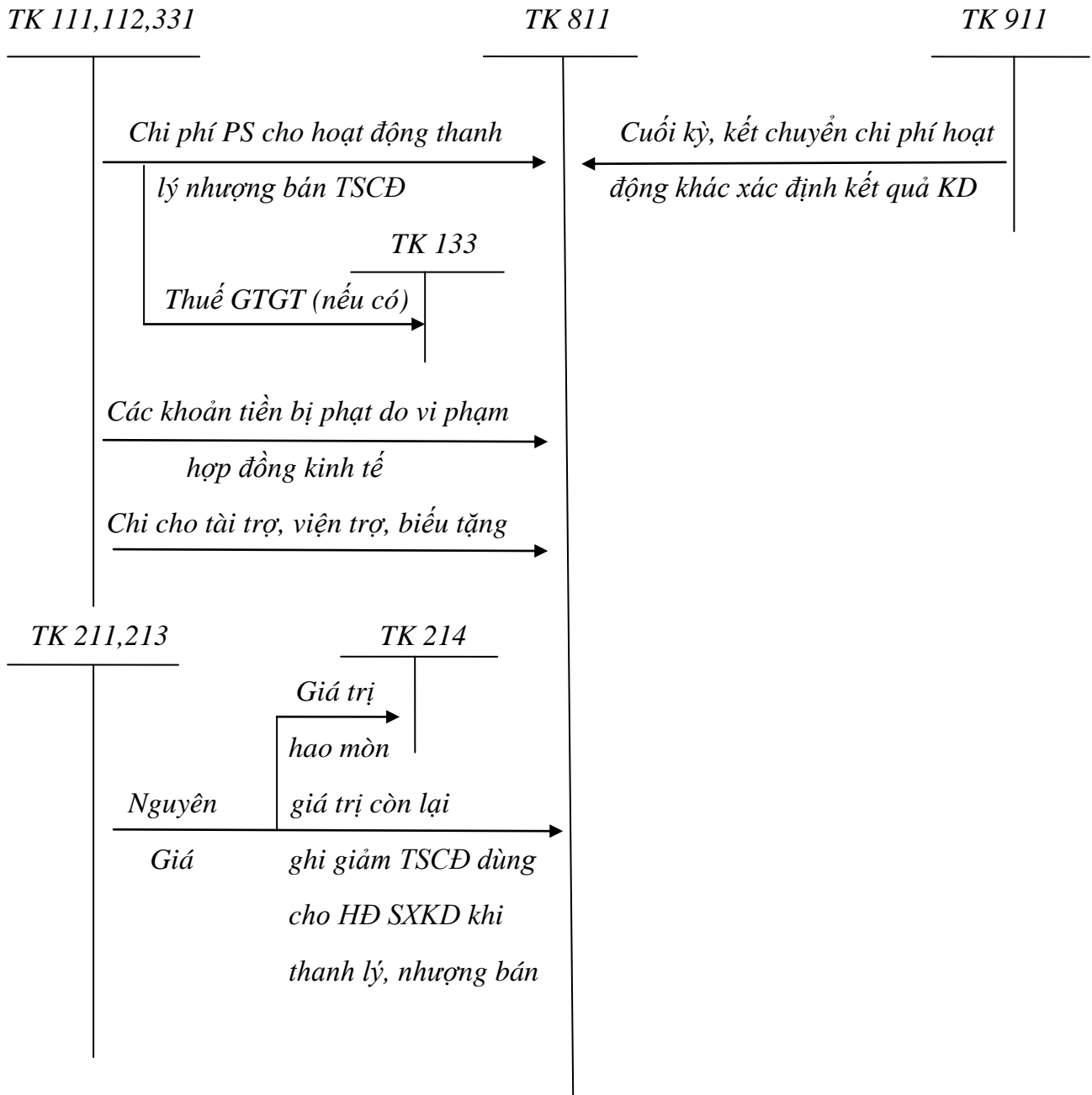
➤ Bên Có:

- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

TK 811 không có số dư cuối kỳ.

Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.12: Hạch toán chi phí hoạt động khác



1.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

1.2.6.1 Nội dung xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng mà doanh nghiệp đạt được trong một thời kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và do hoạt động khác mang lại được biểu hiện thông qua chỉ tiêu lãi hoặc lỗ. Bao gồm:

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá trị vốn hàng bán (Gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

Cách xác định kết quả kinh doanh:

$$\text{Doanh thu thuần} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Chiết khấu thương mại} - \text{Giảm giá hàng bán} - \text{Hàng bán bị trả lại} - \text{Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu (nếu có)}$$

$$\text{Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thuần} - \text{Giá vốn hàng bán}$$

$$\text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Chi phí hoạt động bán hàng} - \text{Chi phí quản lý doanh nghiệp}$$

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	=	Thu nhập hoạt động tài chính	-	Chi phí hoạt động tài chính
Lợi nhuận từ hoạt động khác	=	Thu nhập từ hoạt động khác	-	Chi phí hoạt động khác

1.2.6.2 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

+ Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan...

+ Tài khoản sử dụng:

- ❖ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

➤ Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết chuyển lãi.

➤ Bên Có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Kết chuyển lỗ.

TK 911 không có số dư cuối kỳ.

❖ TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**➤ Bên Nợ:**

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả.
- Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.
- Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8212 – “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 – “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Có TK 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Bên Có:

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đã ghi nhận trong năm.
- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm hiện tại.
- Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại.
- Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm vào TK 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK 821 lớn hơn số phát sinh bên Có TK 8212 – “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” phát sinh

trong kỳ vào bên Nợ TK 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.

TK 821 không có số dư cuối kỳ.

❖ **TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối**

➤ **Bên Nợ:**

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp.
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh.
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
- Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

➤ **Bên Có:**

- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.
- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù.
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

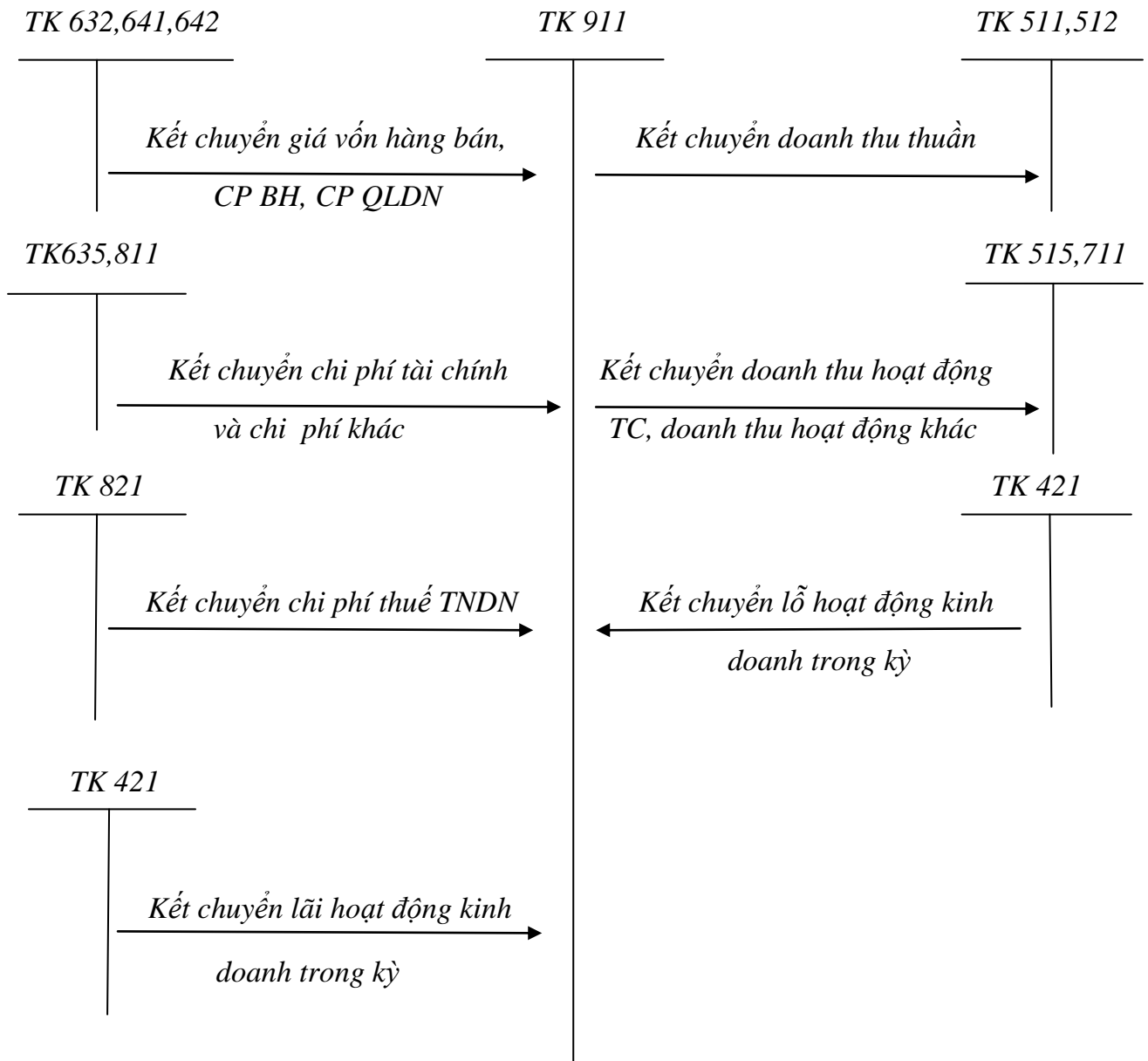
TK 421 có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có.

+ Số dư bên Nợ: Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.

+ Số dư bên Có: Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.13: Hạch toán xác định kết quả kinh doanh



CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HOÀNG ĐẠT

2.1 KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HOÀNG ĐẠT.

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển

- ❖ Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HOÀNG ĐẠT
- ❖ Tên giao dịch tiếng anh: Hoàng Đạt JOINT STOCK COMPANY
- ❖ Trụ sở chính công ty tại: Tổ 11 khu 10 – Quang Hanh – Cẩm Phả - Quảng Ninh
- ❖ Điện thoại văn phòng: 0333.222.202
- ❖ Fax số: 0333.731.987
- ❖ Mã số thuế: 5700628102
- ❖ Tài khoản số: 051.010.100.013.82 – Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam (chi nhánh Bẫy Cháy)
- ❖ Tài khoản số: 016.704.060.011.828 – Ngân hàng Quốc Tế - VIBank (Phòng giao dịch Cẩm Phả)

Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt được thành lập ngày 01 tháng 01 năm 2007, là một công ty mới thành lập và kinh doanh độc lập.

Công ty có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của Nhà nước CHXHCN Việt Nam. Công ty có con dấu riêng, độc lập về tài sản, người đại diện theo pháp luật của công ty là chủ tịch hội đồng quản trị. Chủ sở hữu của công ty là các cổ đông. Thời gian hoạt động của công ty là 30 năm kể từ ngày được cấp giấy phép kinh doanh.

Khi mới thành lập công ty đăng ký mức vốn điều lệ là 2 tỷ đồng, đến đầu năm 2011 công ty đã bổ sung thêm vốn kinh doanh là 4 tỷ đồng. Với khu vực Hà

Tu, Quang Hanh – Cẩm Phả nơi trụ sở của doanh nghiệp có rất nhiều các mỏ than, do vậy sẽ cần có nhiều phương tiện vận tải để phục vụ, công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt đã đi đúng hướng khi lĩnh vực chủ yếu là sửa chữa, bảo dưỡng các phương tiện vận tải, vận tải hàng hóa. Công ty đã sử dụng và khai thác các nguồn lực về vốn, lao động, tài sản một cách có hiệu quả. Hiện nay, công ty không ngừng hoàn thiện và nâng cao chất lượng, số lượng đội ngũ công nhân viên, phương tiện, trang bị kỹ thuật phục vụ sản xuất và đạt được các kết quả tốt. Mặc dù có nhiều đối thủ cạnh tranh, công ty gặp khó khăn song bằng hướng đi đúng đắn nên sau gần 5 năm trưởng thành và phát triển, công ty đã có được vị trí nhất định trên thị trường và uy tín với khách hàng, tạo việc làm cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp ngân sách cho Nhà nước, phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.

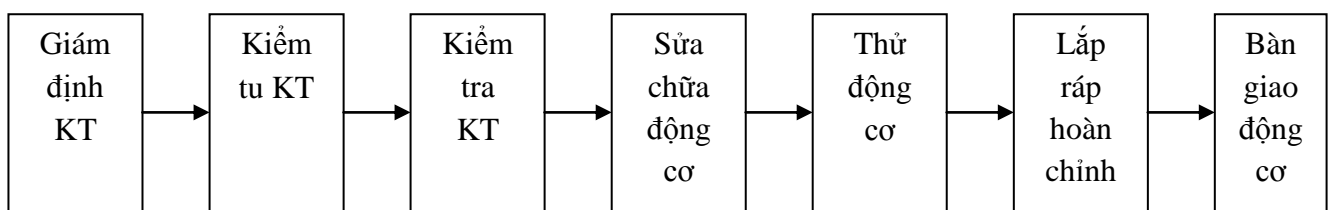
2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh

Các hàng hóa và dịch vụ chủ yếu hiện nay của công ty:

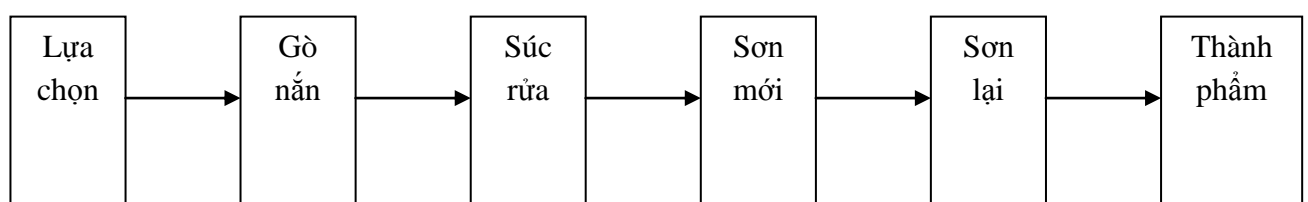
- ✚ Đóng mới sửa chữa, dịch vụ phương tiện vận tải.
- ✚ Kinh doanh bốc xếp, vận tải hàng hóa.
- ✚ Tái chế phế liệu vật tư mỏ.

Công nghệ sản xuất của công ty:

Sơ đồ quy trình sửa chữa cơ khí:



Sơ đồ quy trình tái chế vỏ phuy đã qua sử dụng:



Hình thức tổ chức sản xuất và kết cấu sản xuất của công ty:**✚ Hình thức tổ chức sản xuất của công ty.**

Đối với công ty các bộ phận sản xuất được tổ chức sản xuất theo quy trình sản xuất và chuyên môn hóa theo đối tượng. Trong quy trình sửa chữa động cơ các công đoạn được làm theo thứ tự, tại các công đoạn được thực hiện một cách thận trọng thuần thực và thật đảm bảo về kỹ thuật. Nên yêu cầu công nhân phải có chuyên môn và tay nghề giỏi để hoàn thành suất sắc nhiệm vụ được giao.

Trong quy trình tái chế vỏ phuy các công đoạn cũng làm theo tuần tự, tuy nhiên một số công đoạn cũng không cần thiết phải đúng theo trình tự.

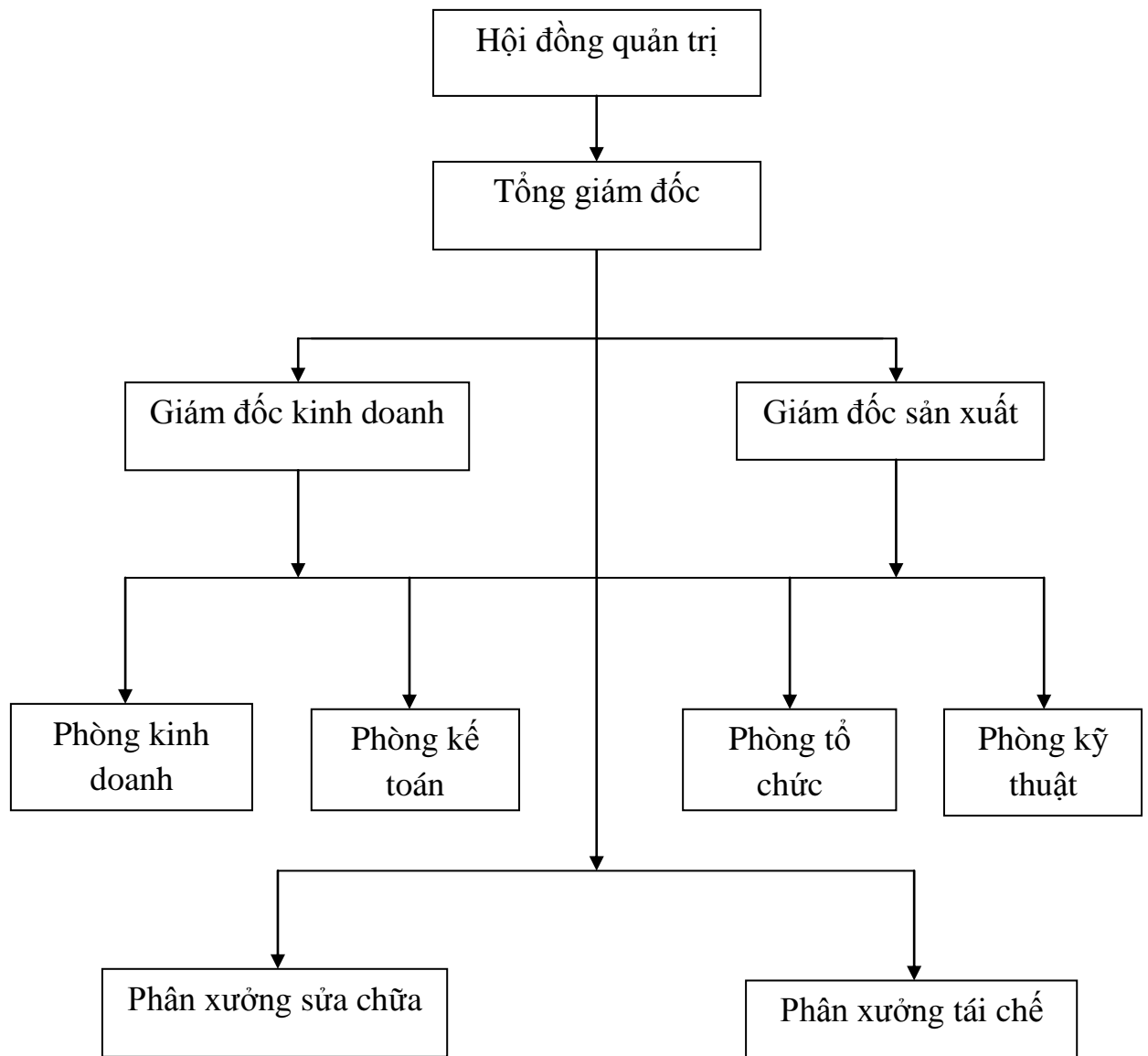
✚ Kết cấu sản xuất của công ty:

Kết cấu sản xuất của công ty bao gồm 2 bộ phận: Bộ phận trực tiếp sản xuất và bộ phận phục vụ.

2.1.3 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý

Bộ máy tổ chức quản lý của công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt theo mô hình trực tuyến trực năng đảm bảo chế độ một thủ trưởng, quyết định trực tiếp từ trung tâm cấp cao tới các bộ phận thông tin không sai lệch, phát huy được độ phân giải quyền lực cho các cán bộ phận chức năng tạo điều kiện cho các bộ phận phát huy chuyên môn. Các bộ phận chức năng điều hành cấp dưới theo chức năng của mình không phải bằng trực tiếp mà thông qua lãnh đạo công ty, phòng ban với tư cách là tư vấn về mặt chuyên môn nào đó thuộc lĩnh vực của mình làm cho lãnh đạo có cơ sở để quản lý điều hành.

Công ty tổ chức bộ máy quản lý theo 2 cấp đó là: Cấp công ty và Cấp phân xưởng.

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty***Chức năng, nhiệm vụ cơ cấu tổ chức:***

✚ Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc công ty:

- Do Hội đồng quản trị bầu bằng thể thức trực tiếp bỏ phiếu kín trong số thành viên hội đồng quản trị.

- Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm giám đốc điều hành của công ty là đại diện pháp nhân của công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về điều hành hoạt động của công ty.

✚ Giám đốc:

- Giám đốc kinh doanh: Do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về hoạt động kinh doanh giúp Tổng giám đốc và giải quyết toàn bộ công việc khi Tổng giám đốc đi vắng.

- Giám đốc sản xuất: Do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về toàn bộ quá trình sản xuất của 2 phân xưởng.

✚ Phòng kinh doanh:

Có chức năng, nhiệm vụ là ngoại giao tìm kiếm khách hàng tiềm năng và duy trì khách hàng cho công ty, tổ chức tiêu thụ sản phẩm toàn bộ trên thị trường qua các hoạt động bán hàng, marketing và các mối quan hệ khác, mục đích giữ vững ổn định, để nhiều khách hàng biết đến vì uy tín chất lượng và mở rộng thị trường. Ngoài ra phòng kinh doanh còn có nhiệm vụ cung ứng toàn bộ nguyên vật liệu luân chuyển cho hoạt động sản xuất.

✚ Phòng kế toán:

Bao gồm các hệ thống kế toán có liên quan. Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu trách nhiệm về tài chính trước Tổng giám đốc và cấp chủ quản.

✚ Phòng tổ chức hành chính:

Trưởng phòng do công ty đề bạt. Phòng hành chính có nhiệm vụ chủ yếu về tổ chức nhân sự, bên cạnh đó điều khá quan trọng là lo về đời sống về tinh thần và vật chất cho nội bộ toàn thể công nhân viên của công ty thật thoải mái và yên tâm công tác.

✚ Cấp phân xưởng:

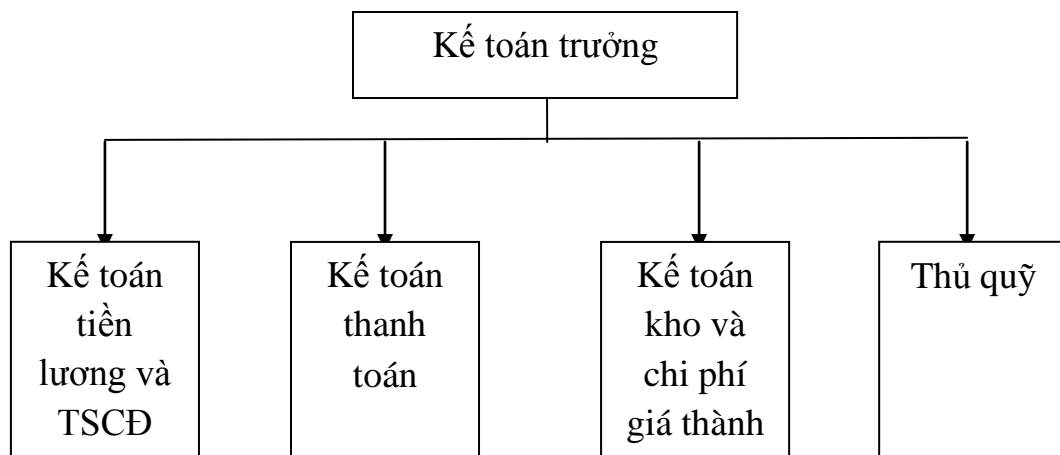
Quản đốc và phó quản đốc do công ty đề bạt, chịu trách nhiệm trước giám đốc sản xuất về toàn bộ quy trình sản xuất từ khâu kỹ thuật cho đến khâu hoàn thành sản phẩm. Sản phẩm của phân xưởng phải đảm bảo tiêu chuẩn cả về số lượng, chất lượng và mỹ thuật và kịp thời gian hoàn thành sản phẩm.

Do diện tích công ty rộng nên 2 phân xưởng ở liền kề nhau và việc sản xuất của 2 phân xưởng hoàn toàn độc lập, không phụ thuộc vào nhau.

2.1.4 Tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt

2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán



Theo mô hình trên chức năng, nhiệm vụ của từng người như sau:

✚ Kế toán trưởng:

Là người chịu trách nhiệm trước pháp luật và giám sát chỉ đạo thực hiện tổ chức công tác kế toán, tham mưu cho giám đốc trong công việc huy động vốn phục vụ kinh doanh, là người điều hành trực tiếp hoạt động kế toán tại công ty.

✚ Thủ quỹ:

Chịu trách nhiệm trước kế toán trưởng và giám đốc về tiền mặt, tồn quỹ hàng ngày, mở sổ theo dõi các chứng từ phát sinh hàng ngày, mở sổ theo dõi các chứng từ phát sinh hàng ngày, cuối mỗi tháng thủ quỹ đối chiếu kiểm tra kế toán.


✚ Kế toán kho và chi phí giá thành:

Chịu trách nhiệm việc xuất kho, nhập kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phục vụ cho sản xuất.

✚ Kế toán tiền lương và TSCĐ:

Có trách nhiệm tính lương, các khoản trả cho công nhân viên. Ngoài ra còn

có trách nhiệm theo dõi việc tăng giảm TSCĐ và việc tính KH -TSCĐ của công ty.

 **Kế toán thanh toán:**

Có trách nhiệm theo dõi công nợ của khách hàng và nhà cung cấp, kiểm soát chứng từ thu chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, theo dõi tạm ứng nhân viên, theo dõi các hợp đồng mua bán, thực hiện các công việc được giao khác do Giám đốc và kế toán trưởng.

2.1.4.2 Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ tài khoản kế toán

Hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán của công ty áp dụng theo chuẩn mực kế toán mới ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

2.1.4.3 Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp

Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12 cùng năm

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng VN

Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Hình thức kế toán áp dụng: NHẬT KÝ CHUNG.

Công ty tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Phương pháp khấu hao TSCĐ: Áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng

Phương pháp kế toán hàng tồn kho:

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo phương pháp thực tế đích danh

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu: Ghi nhận theo thời gian phát sinh và chứng từ hóa đơn.

2.1.4.4 Tổ chức hệ thống sổ sách và hình thức kế toán áp dụng

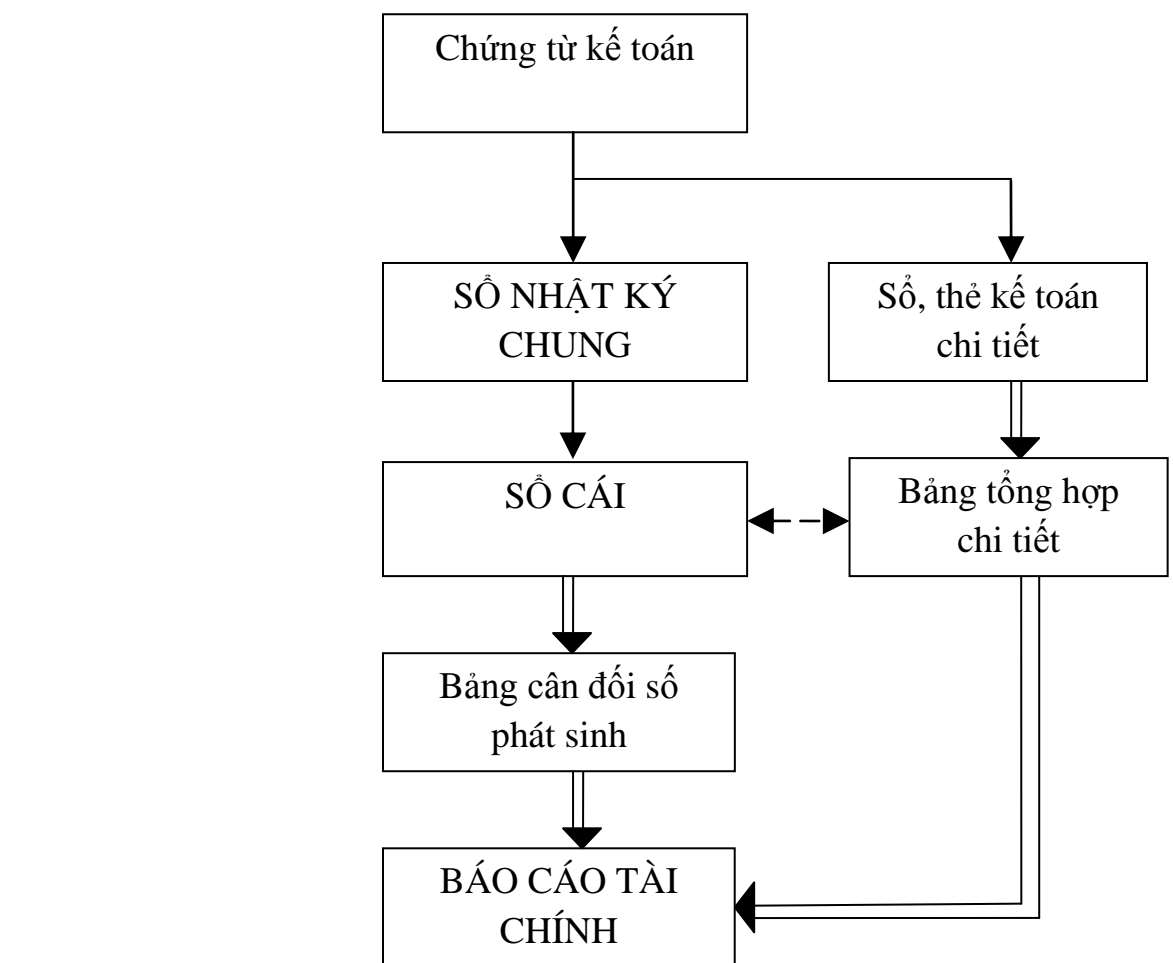
Công ty áp dụng phương pháp kế toán theo hình thức **Nhật Ký Chung** để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

✚ Sổ sách sử dụng:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ chi tiết TK 131, 331...
- Sổ cái TK 111, 112, 511, 632, 642, 911, 821...
- Bảng tổng hợp chi tiết TK 131, 152

✚ Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật Ký Chung

Sơ đồ 2.3: Quy trình ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung tại công ty



- ====> Ghi cuối kỳ
- > Ghi hàng ngày
- ←- - - -> Đối chiếu, kiểm tra

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra ghi vào sổ nhật ký chung, sổ thẻ kế toán chi tiết. Từ sổ nhật ký chung kế toán ghi vào các sổ cái có

liên quan.

Cuối kỳ, từ các sổ cái liên quan kế toán lập bảng cân đối số phát sinh, đồng thời cũng từ các sổ chi tiết kế toán lập Bảng tổng hợp chi tiết để cuối cùng dùng để lập Báo cáo tài chính.

2.1.4.5 Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán

Hệ thống báo cáo tài chính của công ty bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính
- Ngoài ra, kế toán còn lập thêm các báo cáo khác như: Bảng cân đối số phát sinh, báo cáo thuế...

2.2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY.

2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt.

- Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty: Hàng hóa và dịch vụ hiện nay của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt chủ yếu là: Đóng mới sửa chữa, dịch vụ phương tiện vận tải; Kinh doanh bốc xếp, vận tải hàng hóa; Tái chế phế liệu, vật tư mỏ.

- Phương thức cung cấp dịch vụ tại công ty là phương thức cung cấp dịch vụ trực tiếp. Hợp đồng cung cấp dịch vụ được ký kết giữa các bên cung cấp dịch vụ và bên nhận dịch vụ.

- Hình thức thanh toán: Thường công ty bán hàng thu tiền ngay (tiền mặt, tiền gửi ngân hàng...) song cũng có khi công ty chưa thu được tiền ngay và cho khách hàng nợ và thanh toán sau.

✚ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT

Hóa đơn GTGT được lập thành 3 liên:

Liên 1: Màu tím – Lưu tại cuống gốc.

Liên 2: Màu đỏ - Giao cho khách hàng.

Liên 3: Màu xanh – Làm căn cứ bán hàng và giao cho kế toán hạch toán nghiệp vụ.

- Hợp đồng mua bán

- Phiếu thu

Phiếu thu do kế toán lập thành 3 liên (đặt giấy than viết 1 lần)

Liên 1: Lưu ở nơi lập phiếu.

Liên 2: Giao thủ quỹ để làm căn cứ ghi sổ quỹ rồi thủ quỹ chuyển cho kế toán thanh toán để vào sổ kế toán.

Liên 3: Giao cho người nộp tiền.

- Giấy báo có của ngân hàng

- Các chứng từ khác có liên quan...

✚ Sổ sách sử dụng:

- Sổ chi tiết 131...

- Bảng tổng hợp phải thu khách hàng

- Sổ nhật ký chung...

- Sổ cái 511, 632, 911...

✚ Tài khoản sử dụng:

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

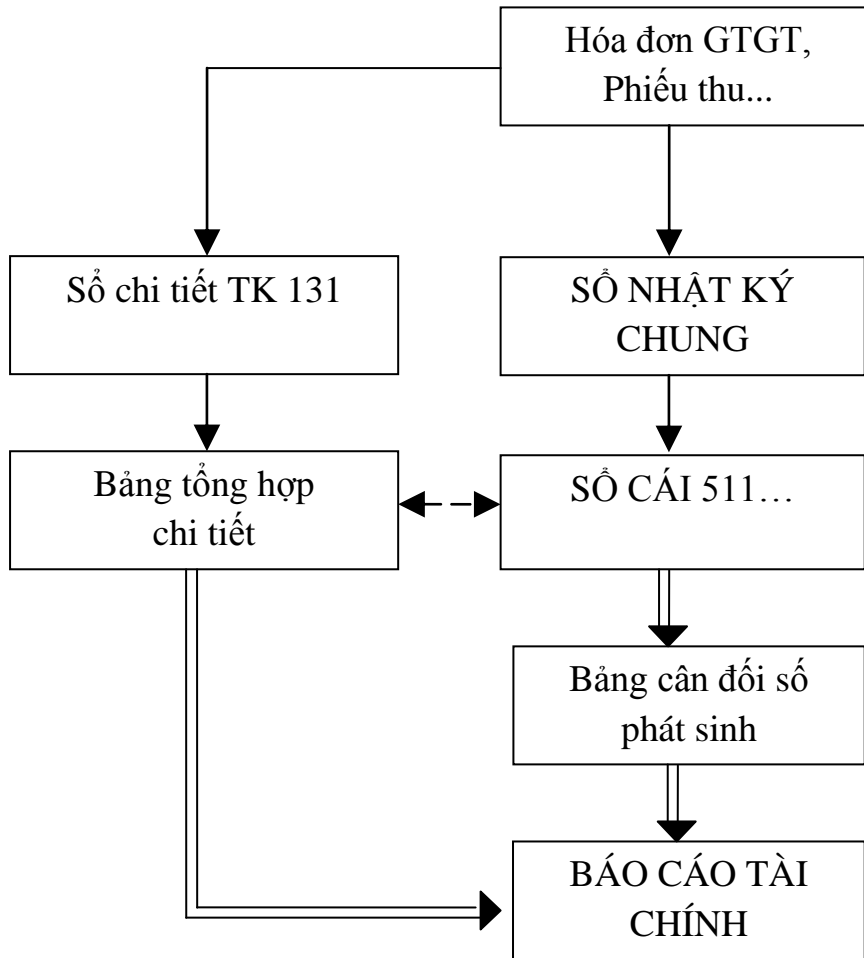
- TK 131: Phải thu của khách hàng

- TK 111: Tiền mặt

- TK 112: Tiền gửi ngân hàng
- TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ
- Các TK khác có liên quan...

✚ Trình tự hạch toán kế toán:

Sơ đồ 2.4: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu



- ====> Ghi cuối kỳ
- > Ghi hàng ngày
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc như: Hóa đơn GTGT, phiếu thu... kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK131, sau đó từ sổ nhật ký chung kế toán ghi vào các sổ cái có liên quan.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái để lập bảng cân đối số phát

sinh, đồng thời cũng từ sổ chi tiết các tài khoản, kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết. Sau đó cuối cùng dựa vào bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết để lập Báo cáo tài chính.

VD:

Ngày 24/12/2011 Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt sửa chữa bảo dưỡng xe KAMAZ biển số 14M – 9038 của xí nghiệp vật tư Hòn Gai, chưa thu tiền.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0010648 (biểu 2.1) ngày 24/12/2011 và các chứng từ khác có liên quan, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 131: 11.759.946

Có TK 5111: 10.690.860

Có TK 3331: 1.069.086

Từ nghiệp vụ trên, kế toán vào sổ nhật ký chung (biểu 2.2) đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 131 (biểu 2.5), sau đó từ sổ NKC vào sổ cái 511(biểu 2.3) và sổ cái TK 131 (biểu 2.4) và sổ cái TK 333.

Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 lập bảng tổng hợp phải thu khách hàng (biểu 2.6), từ sổ cái các tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng tổng hợp chi tiết và bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

Biểu 2.1

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT3/001													
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: AA/11P													
Liên 3: Nội bộ		Số: 0010648													
Ngày 24 tháng 12 năm 2011															
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HOÀNG ĐẠT															
Mã số thuế: 5700628102															
Địa chỉ: Tổ 11 – Khu 10 – Phường Quang Hanh – Thị xã Cẩm Phả - Quảng Ninh															
Số tài khoản: 016704060011828 – Ngân hàng Quốc Tế - VIBank (CN: Cẩm Phả)															
Điện thoại: 0333.2222202															
Họ và tên người mua hàng: Nguyễn Thế Anh															
Tên đơn vị: Xí nghiệp vận tư Hòn Gai – Quảng Ninh															
Địa chỉ: Tổ 3 – Khu 8B – TP.Hạ Long – Quảng Ninh															
Số tài khoản: 01413582341375 – Ngân hàng TMCP Ngoại thương Quảng Ninh															
Hình thức thanh toán: Tiền mặt MST:															
<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> </tr> </table>			5	7	0	0	1	0	0	7	5	2			
5	7	0	0	1	0	0	7	5	2						
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền										
1	2	3	4	5	6=4x5										
1	Sửa chữa xe 14M – 9038	Xe	1	10.690.860	10.690.860										
					Cộng tiền hàng: 10.690.860										
Thuế suất GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT: 1.069.086											
Tổng cộng tiền thanh toán:															
11.759.946															
Số tiền viết bằng chữ: Mười một triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn chín trăm bốn mươi sáu đồng chẵn.															
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị											
(ký, ghi rõ họ tên)		(ký, ghi rõ họ tên)		(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)											

Biểu 2.2

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
HOÀNG ĐẠT
Địa chỉ: Tổ 11 khu 10 - Quang Hanh – Cẩm Phả - Quảng Ninh

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 31/12/2011

ĐVT: VNĐ

Ngày tháng ghi số	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
16/12	BN 1157	16/12	Rút séc nhập quỹ tiền mặt	111	30.000.000	
	PT 72/04			112		30.000.000
17/12	PNK 131	17/12	Mua NVL nhập kho bằng TM	152	969.500	
	PC 41/04			133	96.950	
				111		1.066.450
17/12	HD0010535	17/12	Thanh toán tiền mua vật tư của công ty Tuấn Thành	152	8.000.000	
	PC 42/04			133	800.000	
				111		8.800.000
.....
24/12	HD0010648	24/12	Sửa chữa xe, bảo dưỡng KAMAZ 14M- 9038	131	11.759.946	
				511		10.690.860
				3331		1.069.086
.....
31/12	PKT 63	31/12	K/C doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	15.307.408.225	
				911		15.307.408.225
			Cộng		94.188.135.135	94.188.135.135

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.3

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
HOÀNG ĐẠT
Địa chỉ: Tổ 11 khu 10 - Quang Hanh – Cẩm Phả - Quảng Ninh

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**Số hiệu TK: 511**

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 31/12/2011

ĐVT: VNĐ

Ngày tháng ghi số	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
.....
15/11	HĐ0010497	15/11	Bán thùng phi cho công ty TNHH Hoàng Mai	131		5.179.000
15/11	HĐ0010498	15/11	Sửa chữa, bảo dưỡng xe 14M-3895	131		26.358.000
.....
23/12	HĐ0010647 PT 82/04	23/12	Thu tiền sửa chữa xe, bảo dưỡng KAMAZ 30M- 2219	111		9.157.889
24/12	HĐ0010648	24/12	Sửa chữa xe, bảo dưỡng KAMAZ 14M- 9038	131		10.690.860
.....
31/12	PKT 63	31/12	K/C doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911	15.307.408.225	
			Cộng số phát sinh		15.307.408.225	15.307.408.225
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.4

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
HOÀNG ĐẠT
Địa chỉ: Tổ 11 khu 10 - Quang Hanh – Cẩm Phả - Quảng Ninh

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**Số hiệu TK: 131**

Tên tài khoản: Phải thu của khách hàng

Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 31/12/2011

ĐVT: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		1.237.124.885	
.....
15/11	HD0010597	15/11	Bán thùng phi cho công ty TNHH Hoàng Mai	511	5.179.000	
				3331	517.900	
16/11	HD0010599	16/11	Bán thùng phi cho công ty Minh Anh	511	4.125.000	
				3331	412.500	
.....
23/12	BC 1079	23/12	Cty TNHH Lan Anh chuyển trả tiền	112		35.135.900
24/12	HD0010648	24/12	Sửa chữa xe, bảo dưỡng KAMAZ 14M- 9038	511	10.690.860	
				3331	1.069.086	
.....
			Cộng số phát sinh		11.546.784.339	11.462.764.065
			Số dư cuối kỳ		1.321.145.159	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.5

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HOÀNG ĐẠT

Địa chỉ: Tổ 11 khu 10 - Quang Hanh – Cẩm Phả - Quảng Ninh

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA NGƯỜI BÁN**TK 131**

Đối tượng: Công ty vận tải Hòn Gai

Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 31/12/2011

ĐVT: VND

Số hiệu chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ				-	-
.....
HĐ000954	28/10	Bán thùng phi cho công ty vận tải Hòn Gai	511	4.689.000		110.604.400	
			3331	468.900		111.073.300	
HĐ000955	28/10	Sửa chữa xe, bảo dưỡng KAMAZ 14M- 1964	511	8.125.550		119.198.850	
			3331	812.555		120.011.405	
PT 05/04	30/10	Trả tiền theo HĐ000955	111		8.938.105	111.073.300	
PT 06/04	30/10	Trả tiền theo HĐ000954	111		5.157.900	105.919.400	
.....
HĐ0010648	24/12	Sửa chữa xe, bảo dưỡng KAMAZ 14M- 9038 cty vận tải Hòn Gai	511	10.690.860		77.465.893	
			3331	1.069.086		78.534.979	
PT 89/04	28/12	Trả tiền theo HĐ0010648	111		11.759.946	66.775.033	
		Cộng số phát sinh		324.899.167	258.124.134		
		Số dư cuối kỳ				66.775.033	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu 2.6

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HOÀNG ĐẠT

Địa chỉ: Tổ 11 khu 10 - Quang Hanh – Cẩm Phả - Quảng Ninh

**BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA,
NGƯỜI BÁN**

TK 131: Phải thu khách hàng

Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 31/12/2011

ĐVT: VND

TT	Diễn giải	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty vận tải Hòn Gai			324.899.167	258.124.134	66.775.033	
2	Công ty Minh Anh	41.245.785		264.953.220	255.895.978	50.303.027	
3	Công ty TNHH Hoàng Mai			121.257.157	100.150.000	21.107.157	
4	Công ty TNHH Lan Anh	27.137.128		68.984.379	60.147.148	35.974.359	
5	Công ty CPĐT Hải Hoàng	30.578.945		223.147.853	210.500.000	43.226.798	
6	Công ty TNHH An Sinh			279.986.664	237.286.923	42.699.741	
...
	Cộng	1.237.124.885		11.546.784.339	11.462.764.065	1.321.145.159	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký và ghi rõ họ tên)

2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán

Xác định giá vốn là việc vô cùng quan trọng đối với kế toán bởi một khi xác định đúng giá vốn hàng bán công ty mới xác định được chính xác kết quả kinh doanh do vậy mà Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt với đặc thù doanh thu chủ yếu từ sửa chữa các phương tiện vận tải do vậy công ty áp dụng phương pháp tính trị giá hàng thực tế xuất kho trong kỳ theo phương pháp thực tế đích danh.

Tài khoản sử dụng:

- TK 632: Giá vốn hàng bán
- TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang
- TK 156: Hàng hóa
- Các TK khác có liên quan...

Chứng từ sử dụng:

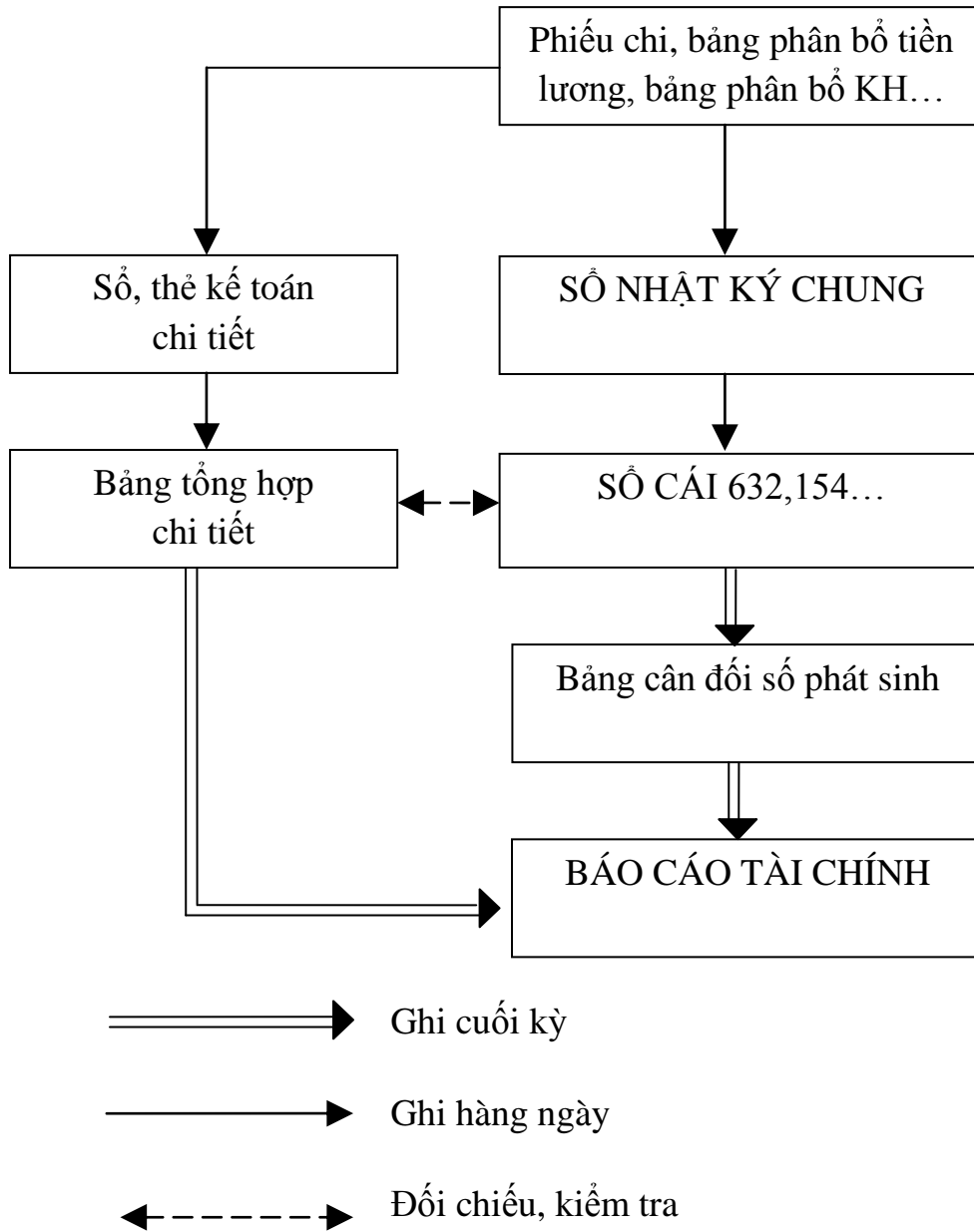
- Phiếu chi
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho (Mẫu 02 – VT)
- Các chứng từ khác có liên quan...

Sổ sách sử dụng:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái: 632, 154...

Trình tự hạch toán

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn



Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc như: Phiếu chi... kế toán ghi vào sổ nhật ký chung sau đó từ sổ nhật ký chung kế toán ghi vào các sổ cái có liên quan.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Sau đó cuối cùng dựa vào bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

VD:

Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt tính giá vốn sửa chữa bảo dưỡng xe KAMAZ biển số 14M – 9038 của xí nghiệp vật tư Hòn Gai.

Kế toán tập hợp chi phí vào TK 154 dựa vào bảng tổng hợp NVL – NC sửa chữa bảo dưỡng xe KAMAZ biển số 14M – 9038 (biểu 2.7) và bảng tổng hợp chi phí sửa chữa bảo dưỡng xe KAMAZ biển số 14M – 9038 (biểu 2.8), sau đó tập hợp TK 154 sang TK 632 theo định khoản sau:

Nợ TK 632: 8.115.500

Có TK 154: 8.115.500

Từ nghiệp vụ trên, kế toán vào sổ nhật ký chung (biểu 2.9) sau đó từ sổ NKC vào sổ cái 632 (biểu 2.10).

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Sau đó cuối cùng dựa vào bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

Biểu 2.7

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HOÀNG ĐẠT

Địa chỉ: Tổ 11 khu 10 - Quang Hanh – Cẩm Phả - Quảng Ninh

**BẢNG TỔNG HỢP NGUYÊN VẬT LIỆU – NHÂN CÔNG SỬA
CHỮA XE KAMAZ 14M – 9038**

STT	Tên vật tư	NSN	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
A	Chi phí vật tư					
	Phần cabin					3.696.000
1	Tôn lá (d= 1.2mm)	VN	Kg	30	23.000	690.000
2	Tôn chắn bùn sau 2 ly	VN	Kg	10	23.000	230.000
3	Que hàn hơi	VN	Kg	4	23.000	92.000
4	Que hàn điện	VN	Kg	3	23.000	69.000
5	Chổi đánh gỉ	VN	Cái	8	15.000	120.000
6	Sơn chống gỉ	LD	Kg	4	65.000	260.000
7	Keo dán	Thái	Hộp	1	120.000	120.000
8	Vải giáp mịn	Nhật	Tờ	5	10.000	50.000
9	Sơn lót	Thái	Kg	5	160.000	800.000
10	Khăn lau	VN	Cái	8	5.000	40.000
11	Dầu bóng thái	Thái	Lít	3	320.000	960.000
12	Cala đánh bóng	Thái	Hộp	2	80.000	160.000
12	Bulông eca M8*60	VN	Bộ	30	3.500	105.000
	Cộng					3.696.000
	Nhân công					3.600.000
	Nhân công thợ gò hàn cabin					
1	Hàn và sửa chữa khung cánh hai bên		Công	2	180.000	360.000
2	Làm mới chắn bùn sau cabin 2 bên		Công	2	180.000	360.000
3	Lắp ráp hoàn thiện các chi tiết và căn chỉnh		Công	2	180.000	360.000
	Nhân công sơn lại toàn bộ ca bin					
1	Mài bề mặt sơn cũ		Công	3	180.000	540.000
2	Đánh gỉ toàn bộ ca bin		Công	3	180.000	540.000
3	Sơn hoàn thiện ca bin		Công	5	180.000	900.000
4	Đánh bóng cabin		Công	3	180.000	540.000
	Cộng			20		3.600.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập
(Ký và ghi rõ họ tên)Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu 2.8

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HOÀNG ĐẠT

Địa chỉ: Tổ 11 khu 10 - Quang Hanh – Cẩm Phả - Quảng Ninh

**BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ SỬA CHỮA
XE KAMAZ 14M – 9038***DVT: VNĐ*

STT	Nội dung chi phí	Số tiền	Ghi chú
1	Vật tư	3.696.000	
2	Tiền lương	3.600.000	
3	Chi phí sản xuất chung	819.500	(Phân bổ theo CPNC trực tiếp)
	Cộng	8.115.500	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu 2.9

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
HOÀNG ĐẠT
Địa chỉ: Tổ 11 khu 10 - Quang Hanh – Cẩm Phả - Quảng Ninh

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 31/12/2011

ĐVT: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
16/12	BN 1157	16/12	Rút séc nhập quỹ tiền mặt	111	30.000.000	
				112		30.000.000
17/12	HĐ 0010535 PC 42/04	17/12	Thanh toán tiền mua vật tư của công ty Tuấn Thành	152	8.000.000	
				133	800.000	
				111		8.800.000
17/12	P XK 121/04	17/12	Giá vốn mua thùng phi từ Cty Hà An	632	18.267.000	
				156		18.267.000
.....
31/12	TH 14M-9038	31/12	Giá vốn sửa chữa xe, bảo dưỡng KAMAZ 14M-9038 cty vận tải Hòn Gai	632	8.115.500	
				154		8.115.500
.....
31/12	PKT 63	31/12	K/C giá vốn	911	13.094.760.640	
				632		13.094.760.640
.....
			Cộng		94.188.135.135	94.188.135.135

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.10

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
HOÀNG ĐẠT
Địa chỉ: Tổ 11 khu 10 - Quang Hanh – Cẩm Phả - Quảng Ninh

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 632

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 31/12/2011

ĐVT: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
.....
17/12	PXK 121/04	17/12	Giá vốn mua thùng phi từ công ty Hà An	156	18.267.000	
31/12	TH14M-1589	31/12	Giá vốn sửa chữa xe, bảo dưỡng KAMAZ 14M- 1589	154	15.173.000	
.....
31/12	TH14M-9038	31/12	Giá vốn sửa chữa xe, bảo dưỡng KAMAZ 14M- 9038 Cty vận tải Hòn Gai	154	8.115.500	
.....
31/12	PKT 63	31/12	K/C giá vốn	911		13.094.760.640
			Cộng số phát sinh		13.094.760.640	13.094.760.640
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký,họ tên)

(Ký,họ tên)

(Ký,họ tên, đóng dấu)

2.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.

Chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt là tập hợp tất cả những chi phí phát sinh thực tế liên quan đến hoạt động như: Chi phí lương nhân viên quản lý, bán hàng, chi phí khấu hao dùng cho bộ phận quản lý, khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bảo quản ... và các chi phí này đều có các chứng từ đầy đủ.

Tài khoản sử dụng

- TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh

Trong đó: TK 6421: Chi phí bán hàng

TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

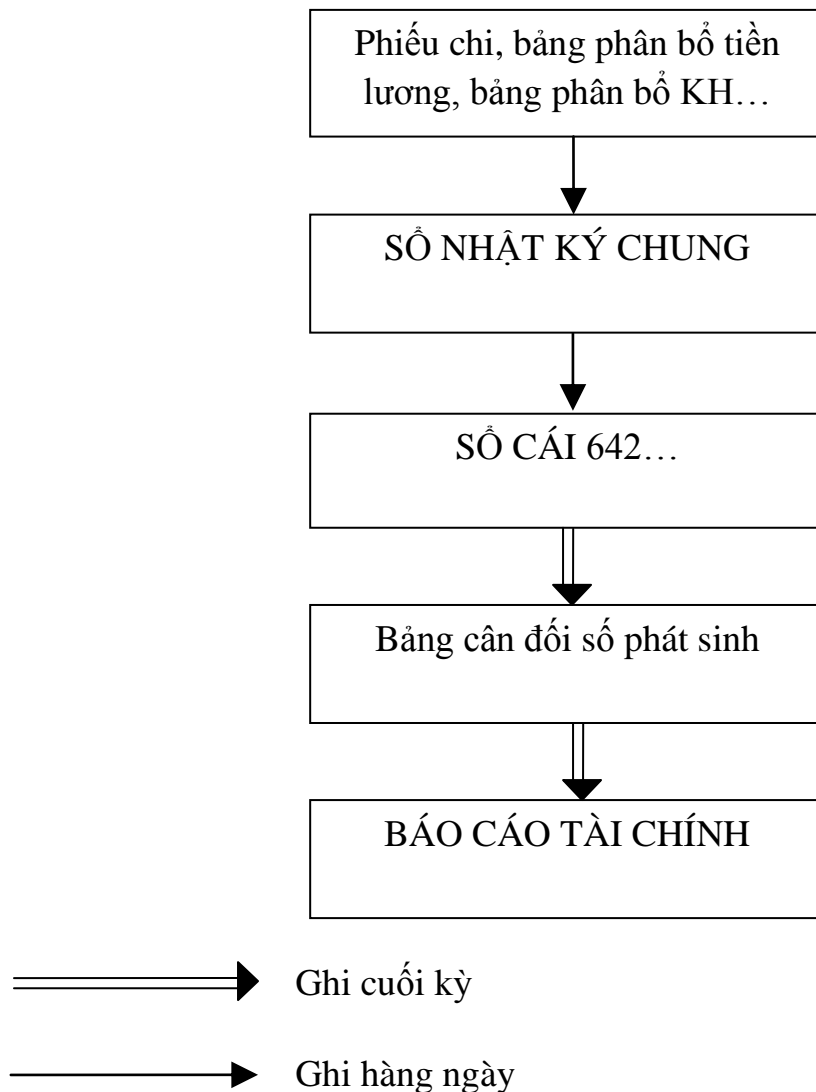
- TK 111: Tiền mặt
- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- Các TK khác có liên quan...

Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, Phiếu chi
- Bảng phân bổ tiền lương
- Bảng phân bổ khấu hao
- Các chứng từ khác có liên quan...

Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ Cái 642, 111...
- Các sổ sách khác có liên quan...

✚ Trình tự hạch toán kế toán**Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí bán hàng**

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc như: hóa đơn GTGT, phiếu chi... kế toán ghi vào sổ nhật ký chung sau đó từ sổ nhật ký chung kế toán ghi vào các sổ cái có liên quan.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Sau đó cuối cùng dựa vào bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

VD1:

Ngày 31/12/2011 Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt thanh toán tiền dịch vụ in hóa đơn hết 2.750.000 bằng tiền mặt.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0015973 (biểu 2.11) ngày 31/12/2011, kế toán lập Giấy đề nghị thanh toán (biểu 2.12) và Phiếu chi số 78/04(biểu 2.13), kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 642(6421): 2.500.000

Nợ TK 133: 250.000

Có TK 111: 2.750.000

Từ nghiệp vụ trên, kế toán vào sổ nhật ký chung (biểu 2.17) sau đó từ sổ NKC vào sổ cái 642 (biểu 2.18), sổ cái 133, sổ cái 111. Thủ quỹ căn cứ vào phiếu chi vào sổ quỹ tiền mặt.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Sau đó cuối cùng dựa vào bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

VD2:

Ngày 14/12/2011 công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt phát sinh nghiệp vụ tiếp khách phục vụ cho quản lý doanh nghiệp thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0011682 (biểu 2.14) ngày 14/12/2011, kế toán lập Giấy đề nghị thanh toán (biểu 2.15) và Phiếu chi số 37/04(biểu 2.16) kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 642(6422): 9.750.000

Nợ TK 133: 975.000

Có TK 111: 10.725.000

Từ nghiệp vụ trên, kế toán vào sổ nhật ký chung (biểu 2.17) sau đó từ sổ NKC vào sổ cái 642 (biểu 2.18), sổ cái 133, sổ cái 111. Thủ quỹ căn cứ vào phiếu chi vào sổ quỹ tiền mặt.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Sau đó cuối cùng dựa vào bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

Biểu 2.11

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT3/001															
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: AA/11T															
Liên 2: Giao cho khách hàng		Số: 0015973															
Ngày 31 tháng 12 năm 2011																	
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HOÀNG MAI																	
Mã số thuế: 5700568921																	
Địa chỉ: Tổ 3 – Khu 8 – Phường Cẩm Thạch – Thị xã Cẩm Phả - Quảng Ninh																	
Số tài khoản: 016704060011828 – Ngân hàng Quốc Tế - VIBank (CN: Cẩm Phả)																	
Điện thoại: 0333.2487654																	
Họ và tên người mua hàng: Nguyễn Thu Hương																	
Tên đơn vị: Công ty cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt																	
Địa chỉ: Tổ 11 – Khu 10 – Phường Quang Hanh – Thị xã Cẩm Phả - Quảng Ninh																	
Số tài khoản: 016704060011828 – Ngân hàng Quốc Tế - VIBank (CN: Cẩm Phả)																	
Hình thức thanh toán: Tiền mặt MST:																	
<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">8</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> </tr> </table>				5	7	0	0	6	2	8	1	0	2				
5	7	0	0	6	2	8	1	0	2								
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền												
1	2	3	4	5	6=4x5												
1	Dịch vụ in hóa đơn				2.500.000												
Cộng tiền hàng: 2.500.000																	
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT: 250.000														
Tổng cộng tiền thanh toán: 2.750.000																	
Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.																	
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)													

Biểu 2.12

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
HOÀNG ĐẠT
Địa chỉ: Tổ 11 khu 10 - Quang Hanh – Cẩm Phả - Quảng Ninh

Mẫu số: 05 – TT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kính gửi: Giám đốc công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt

Họ và tên người thanh toán: Nguyễn Thu Hương

Bộ phận: Bán hàng

Nội dung thanh toán: Thanh toán tiền đặt in hóa đơn.

Số tiền: 2.750.000 Viết bằng chữ: Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: HĐ GTGT số 0015973

Người đề nghị thanh toán

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thu Hương

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Hoàng Thị Bích

Người duyệt

(Ký, họ tên)

Nguyễn Ngọc Phước

Biểu 2.13

Công ty cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt
Bộ phận: kế toán

Mẫu số: 02 – TT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Quyển số: 04

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 78

Nợ TK 6421: 2.500.000

Nợ TK 133: 250.000

Có TK 111: 2.750.000

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Thu Hương

Địa chỉ: Bộ phận bán hàng

Lý do chi: Thanh toán toán tiền đặt in hóa đơn.

Số tiền: 2.750.000 Viết bằng chữ: Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: HD GTGT số 0015973

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nhận tiền	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Nguyễn Ngọc Phước Hoàng Thị Bích Vũ Hồng Hương Nguyễn Thu Hương Nguyễn Hải Yến

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ: Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

Biểu 2.14

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT3/001													
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: AA/11T													
Liên 2: Giao cho khách hàng		Số: 0011682													
Ngày 14 tháng 12 năm 2011															
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY THHH LAN ANH															
Mã số thuế: 5700789654															
Địa chỉ: Tổ 9 – Khu 2 – Phường Cẩm Thịnh – Thị xã Cẩm Phả - Quảng Ninh															
Số tài khoản:															
Điện thoại: 0333.4678528															
Họ và tên người mua hàng: Nguyễn Minh Tâm															
Tên đơn vị: Công ty cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt															
Địa chỉ: Tổ 11 – Khu 10 – Phường Quang Hanh – Thị xã Cẩm Phả - Quảng Ninh															
Số tài khoản: 016704060011828 – Ngân hàng Quốc Tế - VIBank (CN: Cẩm Phả)															
Hình thức thanh toán: Tiền mặt MST:															
<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">8</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> </tr> </table>			5	7	0	0	6	2	8	1	0	2			
5	7	0	0	6	2	8	1	0	2						
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền										
1	2	3	4	5	6=4x5										
1	Tiếp khách				9.750.000										
Cộng tiền hàng: 9.750.000															
Thuế suất GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT: 975.000											
Tổng cộng tiền thanh toán: 10.725.000															
Số tiền viết bằng chữ: Mười triệu bảy trăm hai mươi năm nghìn đồng chẵn.															
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)											

Biểu 2.15

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
HOÀNG ĐẠT
Địa chỉ: Tổ 11 khu 10 - Quang Hanh – Cẩm Phả - Quảng Ninh

Mẫu số: 05 – TT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Ngày 14 tháng 12 năm 2011

Kính gửi: Giám đốc công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt

Họ và tên người thanh toán: Nguyễn Minh Tâm

Bộ phận: Kinh doanh

Nội dung thanh toán: Thanh toán tiền chi tiếp khách.

Số tiền: 10.725.000 Viết bằng chữ: Mười triệu bảy trăm hai mươi năm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: HD GTGT số 0011682

Người đề nghị thanh toán

(Ký, họ tên)

Nguyễn Minh Tâm

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Hoàng Thị Bích

Người duyệt

(Ký, họ tên)

Nguyễn Ngọc Phước

Biểu 2.16

Công ty cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt
Bộ phận: kế toán

Mẫu số: 02 – TT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI
Ngày 14 tháng 12 năm 2011

Quyển số: 04
Số: 37

Nợ TK 642: 9.750.000

Nợ TK 133: 975.000

Có TK111: 10.725.000

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Minh Tâm

Địa chỉ: Bộ phận phòng kinh doanh

Lý do chi: Thanh toán toán tiền chi tiếp khách.

Số tiền: 10.725.000 Viết bằng chữ: Mười triệu bảy trăm hai mươi năm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: HĐ GTGT số 0011682

Ngày 14 tháng 12 năm 2011

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nhận tiền	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Nguyễn Ngọc Phước Hoàng Thị Bích Vũ Hồng Hương Nguyễn Minh Tâm Nguyễn Hải Yên

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ: Mười triệu bảy trăm hai mươi năm nghìn đồng chẵn).

Biểu 2.17

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
HOÀNG ĐẠT
Địa chỉ: Tổ 11 khu 10 - Quang Hanh – Cẩm Phả - Quảng Ninh

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 31/12/2011

ĐVT: VNĐ

Ngày tháng ghi số	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
14/12	HĐ0011682 PC 37/04	14/12	Thanh toán tiền chi tiếp khách	642	9.750.000	
				133	975.000	
				111		10.725.000
.....
24/12	HĐ0010648	24/12	Sửa chữa xe, bảo dưỡng KAMAS 14M - 9038	131	11.759.946	
				5111		10.690.860
				3331		1.069.086
...
31/12	HĐ0015973 PC 78/04	31/12	Thanh toán toán tiền đặt in hóa đơn	642	2.500.000	
				133	250.000	
				111		2.750.000
31/12	PKT 63	31/12	K/C chi phí quản lý kinh doanh	911	1.311.380.000	
				642		1.311.380.000
...
			Cộng		94.188.135.135	94.188.135.135

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.18

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
HOÀNG ĐẠT
Địa chỉ: Tổ 11 khu 10 - Quang Hanh – Cẩm Phả - Quảng Ninh

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**Số hiệu TK: 642**

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 31/12/2011

ĐVT: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
.....
6/12	PC 12/04	6/12	Chi TM mua nước uống cho bộ phận bán hàng	111	260.000	
.....
14/12	HĐ 0011682 PC 37/04	14/12	Thanh toán tiền chi tiếp khách	111	9.750.000	
15/12	HĐ 0096785 PC 38/04	15/12	Chi TM thanh toán tiền điện thoại cho bộ phận bán hàng T12	111	1.379.350	
.....
31/12	HĐ 0015973 PC 78/04	31/12	Thanh toán tiền đặt in hóa đơn	111	2.500.000	
31/12	PKT 63	31/12	K/C chi phí quản lý kinh doanh	911		1.311.380.000
			Cộng số phát sinh		1.311.380.000	1.311.380.000
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đón dấu)

2.2.4 Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.

2.2.4.1 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Đối với Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt thì doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu là các khoản lãi tiền gửi ngân hàng.

Tài khoản sử dụng:

- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 112: Tiền gửi ngân hàng
- TK 111: Tiền mặt
- Các tài khoản khác có liên quan...

Chứng từ kế toán sử dụng:

- Giấy báo có
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan...

2.2.4.2 Kế toán chi phí hoạt động tài chính.

Chi phí hoạt động tài chính là các khoản chi cho tài chính, các khoản lỗ về đầu tư tài chính, các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ, lãi vay phải trả... Song chi phí hoạt động tài chính của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt chủ yếu là khoản lãi vay phải trả.

Tài khoản sử dụng:

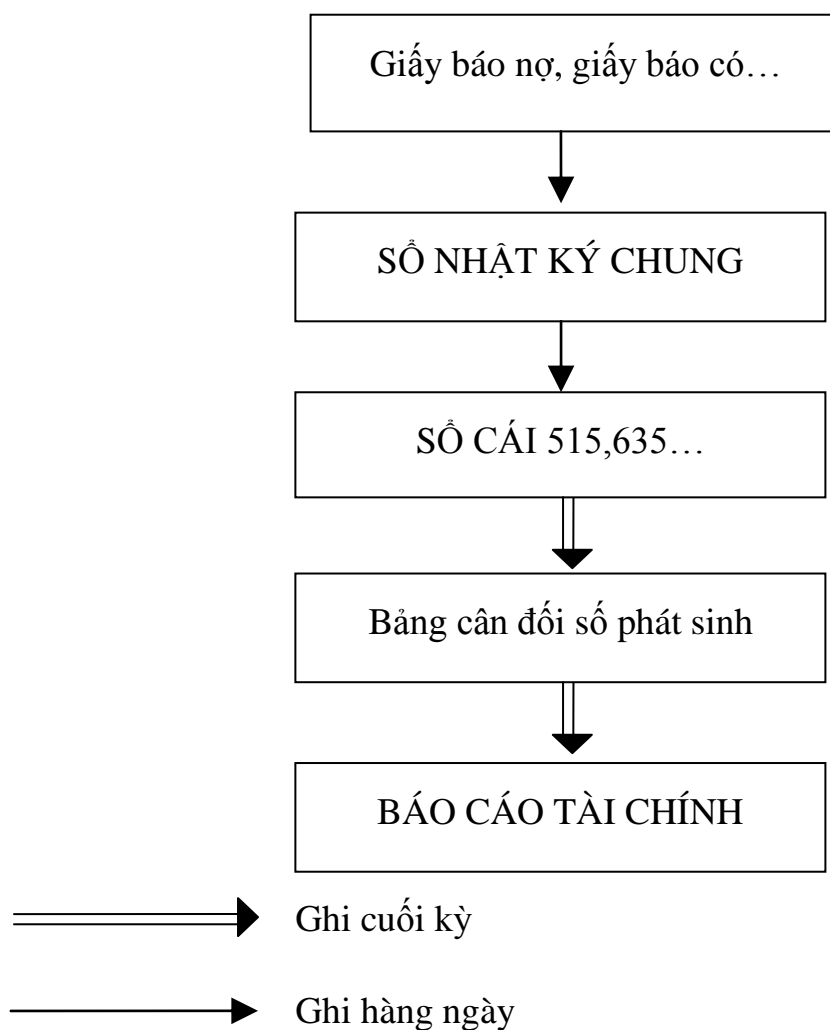
- TK 635: Chi phí hoạt động tài chính
- TK 112: Tiền gửi ngân hàng
- Các tài khoản khác có liên quan...

🚩 Chứng từ kế toán sử dụng:

- Giấy báo nợ
- Phiếu chi
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan...

2.2.4.3 Trình tự hạch toán kế toán

Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính



Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc như: Giấy báo nợ, giấy báo có... kế toán ghi vào sổ nhật ký chung sau đó từ sổ nhật ký chung kế toán ghi vào các sổ cái có liên quan.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Sau đó cuối cùng dựa vào bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

VD1:

Ngày 31/12/2011 công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt nhận được tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng Quốc Tế - VIBank.

Căn cứ vào Giấy báo có số 1276 (biểu 2.21) ngày 31/12/2011 và các chứng từ khác có liên quan, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 112: 2.110.500

Có TK 515: 2.110.500

Kế toán vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.23), sau đó dựa vào số liệu NKC kế toán vào sổ cái 515 (biểu 2.24), sổ cái 112 đồng thời từ Giấy báo có kế toán vào sổ theo dõi TGNH.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Sau đó cuối cùng dựa vào bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

VD2:

Ngày 31/12/2011 công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt nhận trả lãi tiền vay từ tiền gửi ngân hàng Quốc Tế - VIBank.

Căn cứ vào Giấy báo nợ số 1537 (biểu 2.22) ngày 31/12/2011 và các chứng từ khác có liên quan, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 635: 9.125.500

Có TK 112: 9.125.500

Kế toán vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.23) sau đó dựa vào số liệu NKC kế toán vào sổ cái 635(biểu 2.25), sổ cái 112, đồng thời từ Giấy báo nợ kế toán vào sổ theo dõi TGNH.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Sau đó cuối cùng dựa vào bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

Biểu 2.21**GIẤY BÁO CÓ**

CREDIT ADVICE

Số (Seq. No./Ref No.) 0101100513013

Ngày (date) 31/12/2011

Giờ (time) 09:31:15 AM

Số giao dịch: 1276**Chi nhánh (Branch name): CHI NHÁNH CẨM PHẢ****Mã số thuế (Branch VAT code): 0100233488****Mã số khách hàng: 00244837**

Client No

Số tài khoản: 016704060011828

RB A/C No

Tên tài khoản: CTY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HOÀNG ĐẠT

RB A/C Name

Nội dung: Nhận được tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng Quốc Tế - VIBank.

Narrative/ Description

Tên và địa chỉ người chuyển

Ordering Name and address

Số tiền bằng chữ (Credit amount in words): Hai triệu một trăm mười nghìn năm trăm đồng chẵn.**Số tiền (Credit amount in figures & ccy code) VND : 2.110.500****GIAO DỊCH VIÊN/ NV NGHIỆP VỤ****KIỂM SOÁT**

User ID

Override user ID

GDVC 16587

KSV 20616

Biểu 2.22**GIẤY BÁO NỢ**

DEBIT ADVICE

Số (Seq. No./Ref No.) BTVL 58/24

Ngày (date) 31/12/2011

Giờ (time) 08:15:20 AM

Số giao dịch: 1537**Chi nhánh (Branch name): CHI NHÁNH CẨM PHẢ****Mã số thuế (Branch VAT code): 0100233488****Mã số khách hàng: 00244837**

Client No

Số tài khoản: 016704060011828

RB A/C No

Tên tài khoản: CTY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HOÀNG ĐẠT

RB A/C Name

Nội dung: Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt nhận trả lãi tiền vay.

Narrative/ Description

Số tiền bằng chữ (Credit amouunt in words) : Chín triệu một trăm hai mươi năm nghìn năm trăm đồng chẵn.**Số tiền (Credit amouunt in figures & ccy code) VND :** 9.125.500**GIAO DỊCH VIÊN/ NV NGHIỆP VỤ**

User ID BTVLT5882

KIỂM SOÁT

Override user ID

Biểu 2.23

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
HOÀNG ĐẠT
Địa chỉ: Tổ 11 khu 10 - Quang Hanh – Cẩm Phả - Quảng Ninh

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 31/12/2011

DVT: VNĐ

Ngày tháng ghi số	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
31/12	BC 1276	31/12	Nhận được tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng Quốc Tế - VIBank	112	2.110.500	
				515		2.110.500
31/12	BN 1537	31/12	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt nhận trả lãi tiền vay	635	9.125.500	
				112		9.125.500
31/12	HD0015973 PC 78/04	31/12	Thanh toán toán tiền đặt in hóa đơn	642	2.500.000	
				133	250.000	
				111		2.750.000
.....
31/12	PKT 62	31/12	K/C doanh thu hoạt động tài chính	515	15.247.550	
				911		15.247.550
31/12	PKT 63	31/12	K/C chi phí hoạt động tài chính	911	242.135.900	
				635		242.135.900
.....
			Cộng		94.188.135.135	94.188.135.135

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.24

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
HOÀNG ĐẠT
Địa chỉ: Tổ 11 khu 10 - Quang Hanh – Cẩm Phả - Quảng Ninh

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 515

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 31/12/2011

ĐVT: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
.....
28/12	BC 1135	28/12	Ngân hàng Hàng Hải trả lãi tiền gửi	112		245.660
31/12	BC 1276	31/12	Nhận được tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng Quốc Tế - VIBank	112		2.110.500
31/12	PKT 63	31/12	K/C doanh thu hoạt động tài chính	911	15.247.550	
			Cộng số phát sinh		15.247.550	15.247.550
			Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký,họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký,họ tên)

Giám đốc
(Ký,họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.25

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
HOÀNG ĐẠT
Địa chỉ: Tổ 11 khu 10 - Quang Hanh – Cẩm Phả - Quảng Ninh

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**Số hiệu TK: 635**

Tên tài khoản: Chi phí hoạt động tài chính

Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 31/12/2011*DVT: VND*

Ngày tháng ghi số	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
.....
29/12	BN 1289	29/12	Trả lãi tiền vay ngân hàng Hàng Hải	112	7.520.000	
31/12	BN 1537	31/12	Trả lãi tiền vay ngân hàng Quốc Tế	112	9.125.500	
31/12	PKT 63	31/12	K/C chi phí hoạt động tài chính	911		242.135.900
			Cộng số phát sinh		242.135.900	242.135.900
			Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.5 Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt bao gồm:

- Kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.
- Kết quả hoạt động tài chính.

Tài khoản sử dụng:

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối
- Các TK khác có liên quan...

Chứng từ kế toán sử dụng:

- Phiếu kế toán
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 911, 821...

Phương pháp xác định kết quả kinh doanh:

Cuối kỳ kế toán tổng hợp số liệu từ các sổ sách có liên quan, kế toán xác định lãi, lỗ.

Kết quả hoạt động kinh doanh được xác định như sau:

$KQKD = (\text{Doanh thu thuần} - \text{Giá vốn}) + (\text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí hoạt động tài chính}) - \text{Chi phí quản lý kinh doanh}.$

VD:

Cuối tháng 12, Công ty cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt xác định kết quả kinh doanh của cả năm.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 15.307.408.225
- Doanh thu hoạt động tài chính: 15.247.550
- Giá vốn hàng bán: 13.094.760.640
- Chi phí hoạt động tài chính: 242.135.900
- Chi phí quản lý kinh doanh: 1.311.380.000

$Kết\ quả\ kinh\ doanh = 15.307.408.225 - 13.094.760.640 + 15.247.550 - 242.135.900 - 1.311.380.000 = 674.379.235 > 0$

Kết quả kinh doanh > 0 : lãi

Thuế TNDN phải nộp = $674.379.235 * 25\% = 168.594.809$

Lợi nhuận sau thuế = $674.379.235 - 168.594.809 = 505.784.426$

Sau khi xác định lãi kế toán tổng hợp kết chuyển lãi sang TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối.

Cuối kỳ, tập hợp các số liệu từ sổ sách liên quan, kế toán lập phiếu kế toán ghi Có TK 911 (biểu 2.26) và ghi Nợ TK 911 (biểu 2.27).

Sau đó, căn cứ vào phiếu kế toán đã lập, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 511: 15.307.408.225

Nợ TK 515: 15.247.550

Có TK 911: 15.322.655.775

Nợ TK 911: 15.322.655.775

Có TK 632: 13.094.760.640

Có TK 635: 242.135.900

Có TK 642: 1.311.380.000

Nợ TK 821: 168.594.809

Có TK 3334: 168.594.809

Nợ TK 911: 168.594.809

Có TK 821: 168.594.809

Nợ TK 911: 505.784.426

Có TK 421: 505.784.426

Kế toán vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.28), sau đó dựa vào số liệu NKC kế toán vào sổ cái TK 911 (biểu 2.29), sổ cái TK 821, sổ cái TK 421.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Sau đó cuối cùng dựa vào bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

Biểu 2.26

Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số 62

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Ghi Có TK 911			
1	Doanh thu BH và CC DV	511	911	15.307.408.225
2	Doanh thu hoạt động tài chính	515	911	15.247.550
	Tổng			15.322.655.775

Biểu 2.27

Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số 63

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Ghi Nợ TK 911			
1	Giá vốn hàng bán	911	632	13.094.760.640
2	Chi phí quản lý kinh doanh	911	642	1.311.380.000
3	Chi phí tài chính	911	635	242.135.900
4	Chi phí thuế TNDN	911	821	168.594.809
5	Lợi nhuận sau thuế	911	421	505.784.426
	Tổng			15.322.655.775

Biểu 2.28

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
HOÀNG ĐẠT
Địa chỉ: Tổ 11 khu 10 - Quang Hanh – Cẩm Phả - Quảng Ninh

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 31/12/2011

ĐVT: VNĐ

Ngày tháng ghi số	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
31/12	PKT 62	31/12	K/C doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	15.307.408.225	
				911		15.307.408.225
31/12	PKT 62	31/12	K/C doanh thu hoạt động tài chính	515	15.247.550	
				911		15.247.550
31/12	PKT 63	31/12	K/C giá vốn	911	13.094.760.640	
				632		13.094.760.640
31/12	PKT 63	31/12	K/C chi phí quản lý kinh doanh	911	1.311.380.000	
				642		1.311.380.000
31/12	PKT 63	31/12	K/C chi phí tài chính	911	242.135.900	
				635		242.135.900
31/12	PKT 63	31/12	K/C chi phí thuế TNDN	911	168.594.809	
				821		168.594.809
31/12	PKT 63	31/12	Lợi nhuận sau thuế	911	505.784.426	
				421		505.784.426
...
			Cộng		94.188.135.135	94.188.135.135

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký,họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký,họ tên)

Giám đốc
(Ký,họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.29

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
HOÀNG ĐẠT
Địa chỉ: Tổ 11 khu 10 - Quang Hanh – Cẩm Phả - Quảng Ninh

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 911

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 31/12/2011

ĐVT: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/12	PKT 62	31/12	K/C doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		15.307.408.225
31/12	PKT 62	31/12	K/C doanh thu hoạt động tài chính	515		15.247.550
31/12	PKT 63	31/12	K/C giá vốn	632	13.094.760.640	
31/12	PKT 63	31/12	K/C chi phí quản lý kinh doanh	642	1.311.380.000	
31/12	PKT 63	31/12	K/C chi phí tài chính	635	242.135.900	
31/12	PKT 63	31/12	K/C chi phí thuế TNDN	821	168.594.809	
31/12	PKT 63	31/12	Lợi nhuận sau thuế	421	505.784.426	
			Cộng số phát sinh		15.322.655.775	15.322.655.775
			Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.30

Mẫu số: B-02/DNN
(Ban hành kèm theo Quyết định
số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ Tài Chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Ng- ời nộp thuế: Công ty cổ phần đầu t- phát triển Hoàng Đạt

Mã số thuế:

5	7	0	0	6	2	8	1	0	2				
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--	--

Địa chỉ trụ sở: Tổ 11 – Khu 10 – Quang Hanh

Quận Huyện: Cẩm Phả

Điện thoại: 0904.141.412

Fax:

Tỉnh/Thành phố: Quảng Ninh

Email:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

ST T	Chỉ tiêu	M ã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm tr- ớc
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	15.307.408.225	12.042.064.000
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3	Doanh thu thuần về BH và CCDV (10=01-02)	10		15.307.408.225	12.032.064.000
4	Giá vốn hàng bán	11		13.094.760.640	10.509.331.996
5	Lợi nhuận gộp về BH và CCDV (20 =10-11)	20		2.212.647.585	1.532.732.004
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		15.247.550	1.897.671
7	Chi phí tài chính	22		242.135.900	
9	Chi phí quản lý kinh doanh	25		1.311.380.000	1.227.627.996
10	LN thuần từ HĐKD (30 = 20 + 21 - 22 - 25)	30		674.379.235	243.783.679
11	Thu nhập khác	31		-	
12	Chi phí khác	32		-	
13	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	
14	Tổng lợi nhuận kế toán tr- ớc thuế (50=30+40)	50	IV.09	674.379.235	243.783.679
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		168.594.809	68.259.430
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		505.784.426	175.524.249

Lập ngày 15 tháng 01 năm 2012

Ng- ời lập biểu

Kế toán tr- ờng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HOÀNG ĐẠT

3.1 ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HOÀNG ĐẠT

Hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt chịu sự tác động không nhỏ từ những biến động của nền kinh tế thị trường ngày càng khắc nghiệt và những khó khăn từ các yếu tố khách quan mang lại. Song với sự lãnh đạo của ban giám đốc công ty cùng sự nhiệt tình, chăm chỉ của công nhân viên, công ty đã hướng cho mình một lối đi đúng đắn và đạt được một số thành tích nhất định.

Để đạt được thành tích như vậy không thể không kể đến sự nỗ lực phấn đấu và những kết quả mà công tác kế toán đạt được. Hệ thống sổ sách mà công ty sử dụng được thiết lập trên mẫu quy định không phức tạp nhưng phản ánh đầy đủ nội dung kinh tế của các nghiệp vụ. Việc phân chia công việc phù hợp với trình độ, năng lực của mỗi người và yêu cầu quản lý của công ty, đồng thời thể hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa các kế toán viên dưới sự quản lý của kế toán trưởng đã góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của từng nhân viên trong phòng đem lại hiệu quả cao trong công việc.

3.1.1 Ưu điểm

- ❖ Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh:

Công ty có tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động có hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời và nhanh chóng.

- ❖ Về tổ chức bộ máy kế toán tại công ty:

Bộ máy kế toán của công ty gọn nhẹ, phù hợp với yêu cầu công việc của từng người. Các nhân viên kế toán có tính độc lập, tự giác và trách nhiệm đối với

công việc của mình, thực hiện nghiêm túc các khoản nộp cho Ngân sách Nhà nước một cách đầy đủ.

❖ Về hạch toán kế toán nói chung:

- Chứng từ kế toán: Kế toán sử dụng hệ thống chứng từ kế toán đúng chế độ kế toán của Bộ tài chính ban hành. Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ phát sinh tạo điều kiện cho đối chiếu, kiểm tra. Trình tự luân chuyển chứng từ đảm bảo hợp lý, đúng đắn.

- Về sổ sách kế toán: Sổ sách kế toán của công ty được thực hiện rõ ràng, sạch sẽ, lưu trữ theo quy định của nhà nước. Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt áp dụng hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức NHẬT KÝ CHUNG. Với hình thức này công việc ghi sổ đơn giản, dễ hiểu, dễ đối chiếu, kiểm tra.

- Về hệ thống tài khoản sử dụng: Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ báo cáo tài chính doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ trưởng Bộ tài chính ban hành và các thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung.

❖ Về hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty:

- Về tổ chức kế toán doanh thu: Công ty hạch toán theo đúng nguyên tắc, chế độ hiện hành, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán phản ánh đầy đủ, kịp thời và chính xác. Việc hạch toán doanh thu như hiện nay là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của công ty.

- Về công tác kế toán chi phí: Công ty hạch toán chi phí một cách chính xác, hợp lý tránh gây lãng phí làm giảm lợi nhuận.

- Về công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh: Công ty thực hiện việc ghi chép dựa trên căn cứ khoa học của chế độ kế toán hiện hành và tình hình thực tế của công ty. Công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

của công ty đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty kịp thời và chính xác.

3.1.2 Hạn chế

Từ khi thành lập công ty đến nay, công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt đã không ngừng phấn đấu, cố gắng xây dựng bộ máy quản lý cũng như xây dựng bộ máy kế toán ngày càng hoàn thiện hơn. Mặc dù vậy, công tác hạch toán vẫn còn một số hạn chế sau.

❖ Về tổ chức bộ máy kế toán và ghi chép sổ sách kế toán:

Trình độ chuyên môn của đội ngũ nhân viên kế toán của công ty chưa được cao do chủ yếu là cao đẳng, ít kinh nghiệm hơn nữa việc phân công công việc chưa hợp lý dẫn đến tình trạng số lượng nhân viên kế toán ít mà khối lượng công việc nhiều nên công tác kế toán còn gặp nhiều sai sót.

Cộng thêm công việc kế toán còn thực hiện thủ công nên các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đôi lúc còn chưa nhanh gọn, mất thời gian, dễ nhầm lẫn, sai sót.

❖ Về việc áp dụng chính sách ưu đãi, khuyến mại

Do lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của công ty là sửa chữa, bảo dưỡng xe nên công ty chưa có những chính sách ưu đãi, khuyến mại hợp lý dành cho khách hàng nên việc không áp dụng các chính sách trên sẽ phần nào làm giảm số lượng khách hàng, làm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty giảm sút, việc thu hồi vốn phục vụ cho quá trình kinh doanh chậm.

❖ Về dự phòng nợ phải thu khó đòi:

Trong năm 2011, việc thanh toán của khách hàng đôi khi còn chậm chễ và có những khách hàng mà doanh nghiệp không thể thu hồi nợ được, mà doanh nghiệp lại không lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi để giảm thiểu rủi ro. Dưới đây là báo cáo nợ phải thu của công ty đến ngày 31/12/2011 (biểu 3.1)

Biểu 3.1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HOÀNG ĐẠT

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ ĐẾN NGÀY 31/12/2011

ĐVT: VNĐ

T T	Tên khách hàng	Dư nợ cuối kỳ	Nợ chưa đến hạn	Nợ đến hạn	Nợ quá hạn	Nợ không đòi được
1	Công ty TNHH Minh Tâm	5.804.114				5.804.114
2	Công ty Cổ phần đầu tư Duy Cường	17.987.245			17.987.245	
3	Công ty TNHH Hoàng An	25.389.399	25.389.399			
4	Công ty TNHH Thành Công	112.257.349		112.257.349		
5	Công ty TNHH Lan Anh	36.147.980			36.147.980	
...
	Cộng	1.321.145.159	644.150.357	517.055.463	154.135.225	5.804.114

Dựa theo báo cáo trên thì công ty cần trích lập dự phòng đối với các khoản nợ sau:

- Khoản nợ Công ty Cổ phần đầu tư Duy Cường theo biên bản đối chiếu công nợ có hạn thanh toán 28/12/2010 đã quá hạn thanh toán trên 1 năm.

- Khoản nợ Công ty TNHH Lan Anh theo biên bản đối chiếu công nợ có hạn thanh toán 15/3/2011 đã quá hạn thanh toán 9 tháng.

Đồng thời công ty phải xóa sổ khoản nợ sau:

- Đối với khoản nợ 5.804.114 đồng Công ty TNHH Minh Tâm phát sinh vào ngày 28/09/2010 được xác định là không thu hồi được do công ty này đã mất khả năng thanh toán.

❖ Chưa theo dõi chi tiết chi phí quản lý kinh doanh

Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt chưa mở chi tiết cho TK 642 –

Chi phí quản lý kinh doanh (mới chỉ chia thành TK 6421 và TK 6422) nên kế toán không theo dõi được cụ thể các khoản mục chi phí trong đó như: chi phí tiền lương nhân viên quản lý; thuế, phí lệ phí...

❖ Về phân bổ chi phí khấu hao

Hiện nay, khoản trích khấu hao tài sản cố định sử dụng ở bộ phận quản lý doanh nghiệp kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt hạch toán vào TK 154. Do đó làm sai lệch số phát sinh của tài khoản 632 và tài khoản 642. Cụ thể là làm tăng TK 154 và làm giảm TK 642. Vì vậy ảnh hưởng đến tính chính xác của giá thành, lợi nhuận và ảnh hưởng trực tiếp đến việc ra quyết định của nhà quản lý.

Biểu số 3.2

Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt
MST: 5700628102

BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO TSCĐ NĂM 2011

(Áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng)

DVT: VNĐ

TT	Tên tài sản	Mã ký hiệu	Số lượng	Thời điểm bàn giao	Thời điểm đưa vào sử dụng	Nguyên giá	Thời gian khấu hao	Mức khấu hao		TK đối ứng
								Năm	Tháng	
1	Xe ô tô con Deawoo	14M - 0915	1		T4/2008	286.235.412	6	47.705.902	3.975.492	154
2	Xe Civic	14N - 4248	1		T5/2008	586.100.000	6	93.683.333	7.806.944	154
3	Xe ô tô bán tải	14M - 6739	1		T10/2007	198.365.714	5	39.673.143	3.306.095	154
4	Thiết bị cho thuê – máy nén khí	MNK - 5T	1		T9/2008	146.400.000	4	80.130.349	6.677.529	154
5	Xe tải to 7.5 tấn	14M - 1962	1	1/9/2011	T9/2011	329.090.909	5	65.818.182	5.484.848	154
6	Máy phát điện	MPĐ - 34L	1	18/5/2011	T6/2011	118.181.818	4	29.545.455	2.462.121	154
...
	Cộng					2.455.362.116		393.165.363	49.082.475	

3.2 MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH NHẪM NÂNG CAO CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HOÀNG ĐẠT

3.2.1 Một số nguyên tắc và điều kiện tiên hành hoàn thiện công tác kế toán

Trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay cùng với sự cạnh tranh của các đối thủ, các doanh nghiệp cần nắm bắt thông tin một cách chính xác, đầy đủ và kịp thời về tình hình hoạt động kinh doanh lãi, lỗ của công ty mình. Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh là một khâu quan trọng của quá trình kinh doanh trong doanh nghiệp. Xác định đúng doanh thu và kết quả hoạt động của công ty sẽ cho biết doanh nghiệp hoạt động như thế nào, và là cơ sở để các nhà quản lý điều chỉnh hợp lý sao cho doanh thu của doanh nghiệp ngày càng tăng. Song nó cũng phải tuân theo một số nguyên tắc sau:

- Thực hiện đúng chế độ nhà nước ban hành.
- Tổ chức bộ máy gọn nhẹ, khoa học, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- Thông tin phải chính xác, đầy đủ.
- Đội ngũ nhân viên nhân viên kế toán phải hiểu biết, có kinh nghiệm...

3.2.2 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt.

Trước những yêu cầu hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán của công ty cho phù hợp với chế độ của nhà nước, phù hợp với trình độ chuyên môn của cán bộ kế toán công ty. Qua quá trình thực tập tại công ty, trên cơ sở tìm hiểu, nắm vững tình hình thực tế cũng như vấn đề lý luận đã được học, em nhận thấy trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty còn có những hạn chế mà nếu được khắc phục thì phần hành kế toán này của công ty sẽ được

hoàn thiện hơn. Bài viết này xin đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt.

Kiến nghị 1: Về việc tổ chức công tác kế toán

Tổ chức công tác kế toán diễn ra một cách thuận lợi thì người kế toán phải có trình độ chuyên môn, hiểu được quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Tổ chức công tác kế toán của công ty được thực hiện bằng tay nên mất nhiều thời gian, dễ nhầm lẫn trong khi đó hiện nay có nhiều phần mềm kế toán như phần mềm kế toán MISA, BRAVO, phần mềm kế toán Việt Nam – KTVN, FAST... Công ty nên chọn một phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm của công ty. Việc áp dụng phần mềm kế toán để giảm bớt công việc của kế toán giúp cho kế toán có thể theo dõi chính được toàn bộ hoạt động tài chính của doanh nghiệp một cách nhanh chóng và đưa ra các báo cáo chính xác nhất phục vụ cho công tác quản trị của ban giám đốc. Giúp ban giám đốc có thể đưa ra các quyết định kinh doanh kịp thời tạo lợi thế cho doanh nghiệp trong kinh doanh. Tạo niềm tin vào các báo cáo tài chính mà công ty cung cấp cho các đối tượng bên ngoài.

Tổ chức đào tạo nâng cao tay nghề cho đội ngũ nhân viên kế toán và do công ty còn thiếu nhân viên nên tuyển thêm nhân viên kế toán có kinh nghiệm. Kế toán trưởng phải sắp xếp bộ máy kế toán đúng người, đúng việc.

Kiến nghị 2: Áp dụng các chính sách ưu đãi, khuyến mại

Hiện nay, ở địa bàn xung quanh Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt có nhiều doanh nghiệp kinh doanh cùng một ngành nghề như: Công ty TNHH Hà Thu, Công ty Minh Hà...do vậy việc cạnh tranh là không tránh khỏi. Công ty cần có các chính sách ưu đãi, chăm sóc khách hàng, nhân viên bán hàng phải có thái độ nhã nhặn, nhiệt tình có như vậy mới thu hút được nhiều khách hàng, tạo sự yên tâm và tin tưởng vào chế độ bảo hành, sửa chữa của công ty.

Một trong các chính sách ưu đãi phải kể đến là chính sách chiết khấu thanh

toán mà công ty đang dần áp dụng góp phần làm cho doanh thu của công ty ngày càng tăng và việc thu hồi vốn phục vụ quá trình kinh doanh nhanh.

Chiết khấu thanh toán là số tiền doanh nghiệp cho khách hàng hưởng khi khách hàng thanh toán cho doanh nghiệp sớm hơn thời hạn ghi trong hợp đồng. Để hạch toán chiết khấu thanh toán, công ty sử dụng **TK 635 – Chi phí hoạt động tài chính**.

- **Chiết khấu thanh toán của công ty phải xây dựng dựa trên:**

- Lãi suất của ngân hàng tại thời điểm phát sinh.
- Tham khảo các chính sách chiết khấu thương mại của các doanh nghiệp cùng ngành.
- Được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh của từng thời kỳ của doanh nghiệp.
- Công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Căn cứ từng khách hàng thanh toán nợ mà công ty áp dụng mức chiết khấu theo thời gian.

- **Phương pháp hạch toán:**

Công ty thực hiện ghi chép kế toán thông qua TK 635 – Chi phí hoạt động tài chính (phản ánh khoản chi phí công ty phải chịu do giảm trừ khoản phải thu do khách hàng thanh toán trước thời hạn).

Nợ TK 635:

Có TK 131:

Kiến nghị 3: Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

Công ty nên trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nhằm đề phòng nợ phải thu thất thu khi khách hàng không có khả năng chi trả nợ và xác định giá trị thực của một khoản tiền nợ phải thu lập trên BCTC của năm báo cáo.

- **Căn cứ xác định nợ phải thu khó đòi**

- Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán trên hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ

hoặc các cam kết nợ.

- Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán, nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người vay nợ mất tích, bỏ trốn...

- **Phương pháp xác định**

Dựa trên tài liệu hạch toán chi tiết các khoản nợ phải thu của từng khách hàng, phân loại theo thời hạn thu nợ, các khách hàng quá hạn được xếp loại khách hàng khó đòi, nghi ngờ. Doanh nghiệp cần thông báo cho khách hàng và trên cơ sở thông tin phản hồi từ khách hàng, kể cả bằng phương pháp xác minh, để xác định số dự phòng cần lập theo số % khả năng mất.

$$\begin{array}{l} \text{Dự phòng phải thu} \\ \text{khó đòi cần lập} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Nợ phải thu} \\ \text{khó đòi} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Số \% có khả} \\ \text{năng mất} \end{array}$$

- **Mức trích lập:** Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập như sau:

30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm

50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm

70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm

100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người vay nợ mất tích, bỏ trốn...thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

- **Tài khoản sử dụng: TK 139**

- **Phương pháp hạch toán:**

- Cuối kỳ, xác định số dự phòng cần trích lập. Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi ở kỳ kế toán này lớn hơn ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì hạch toán chênh lệch vào chi phí:

Nợ TK 642:

Có TK 139:

- Nếu số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này nhỏ hơn kỳ trước thì số chênh lệch được ghi giảm trừ chi phí:

Nợ TK 139:

Có TK 642:

- Xóa nợ:

Nợ TK 139: Nếu đã trích lập dự phòng

Nợ TK 642: Nếu chưa trích lập dự phòng

Có TK 131:

Có TK 138:

Đồng thời ghi Nợ TK 004

- Đối với nợ khó đòi đã xử lý xóa nợ sau đó thu hồi được:

Nợ TK 111,112...

Có TK 711:

VD: Giả sử ngày 31/12/2011, kế toán tiến hành trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi trên Báo cáo tình hình công nợ (Biểu 3.1) như sau:

Tính số dự phòng nợ phải thu khó đòi năm 2011:

Số dự phòng phải thu khó đòi: 49.838.017 (đồng)

Kế toán định khoản: Nợ TK 642: 49.838.017

Có TK 139: 49.838.017

Đối với khoản khách hàng còn nợ được xác định là không đòi được cần xử lý đưa vào chi phí như sau:

Tổng nợ không thể thu hồi năm 2011: 5.804.114 (đồng)

Kế toán định khoản: Nợ TK 642: 5.804.114

Có TK 131: 5.804.114

Nợ TK 004: 5.804.114

Kế toán tiến hành lập phiếu kế toán rồi vào sổ Nhật ký chung và các sổ sách có liên quan.

Kiến nghị 4: Phân bổ lại chi phí khấu hao TSCĐ

Để đảm bảo cho việc theo dõi và hạch toán khoản mục chi phí khấu hao TSCĐ cho từng đối tượng, công ty nên tiến hành lập lại bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ cho các đối tượng sử dụng TSCĐ hợp lý hơn.

VD:

Hiện nay tại Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt tài sản cố định được sử dụng cho 2 bộ phận là bộ phận quản lý và bộ phận sản xuất. Nhưng công ty khi hạch toán lại chỉ hạch toán toàn bộ chi phí khấu hao vào chi phí sản xuất. Ngày 31/12/2011 kế toán tiến hành trích khấu hao TSCĐ. Dựa vào bảng tính khấu hao kế toán tiến hành vào sổ nhật ký chung và vào các sổ sách có liên quan.

Kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt định khoản như sau:

Nợ TK 154: 49.082.475

Có TK 214: 49.082.475

Theo đúng như quy định thì kế toán phải định khoản như sau:

Nợ TK 154: 37.300.039

Có TK 214: 37.300.039

Nợ TK 642: 11.782.436

Có TK 214: 11.782.436

Biểu số 3.3

Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt

BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO TSCĐ

Tháng 12/2011 (Áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng)

ĐVT: VND

TT	Tên tài sản	Mã ký hiệu	Số lượng	Thời điểm bàn giao	Thời điểm đưa vào sử dụng	Nguyên giá	Thời gian khấu hao	Mức khấu hao		TK đối ứng
								Năm	Tháng	
1	Xe ô tô con Deawoo	14M - 0915	1		T4/2008	286.235.412	6	47.705.902	3.975.492	642
2	Xe Civic	14N - 4248	1		T5/2008	586.100.000	6	93.683.333	7.806.944	642
	Xe ô tô bán tải	14M - 6739				872.335.412		141.389.235	11.782.436	
1	Thiết bị cho thuê – máy nén khí	MNK - 5T	1		T10/2007	198.365.714	5	39.673.143	3.306.095	154
2	Xe tải to 7.5 tấn	14M - 1962	1		T9/2008	146.400.000	4	80.130.349	6.677.529	154
3	Máy phát điện	MPĐ - 34L	1	1/9/2011	T9/2011	329.090.909	5	65.818.182	5.484.848	154
4	1	18/5/2011	T6/2011	118.181.818	4	29.545.455	2.462.121	154
...	Cộng	
	Tên tài sản	Mã ký hiệu				1.583.026.704		251.776.128	37.300.039	
						2.455.362.116		393.165.363	49.082.475	

Kiểm nghị 5: Công ty nên mở sổ chi tiết cho TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

Mở sổ chi tiết cho TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh là một biện pháp hợp lý và đúng đắn đối với sự phát triển của công ty, khi đó kế toán có thể theo dõi cụ thể các khoản chi phí nhằm hạn chế, giảm trừ chi phí một các lãng phí và là tài liệu giúp cho các khoản chi phí sang năm hợp lý, khoa học hơn.

Đối với Chi phí quản lý doanh nghiệp (TK 6422) kế toán theo dõi chi tiết như sau:

TK 64221: - Chi phí nhân viên quản lý: tiền lương, các khoản phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế...

TK 64222: - Chi phí vật liệu quản lý: Phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý văn phòng: văn phòng phẩm...

TK 64223: - Chi phí đồ dùng văn phòng: Phản ánh chi phí về dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý.

TK 64224: - Chi phí khấu hao TSCĐ: phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp.

TK 64225: - Thuế, phí và lệ phí: Phản ánh chi phí về thuế, phí và lệ phí (phí tàu xe...)

TK 64226: - Chi phí dự phòng: Phản ánh các khoản dự phòng thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất...

TK 64227: - Chi phí dịch vụ mua ngoài: Phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý...

TK 64228: - Chi phí bằng tiền khác: Chi phí hội nghị, chi phí tiếp khách...

Đối với Chi phí bán hàng (TK 6421) kế toán theo dõi chi tiết tương tự.

Biểu số 3.4

Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**(Tài khoản: 642 – Chi phí quản lý kinh doanh)***DVT: VNĐ*

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số	Chia ra							
Số hiệu	NT				6421				6422			
					64211	64212	...	64217	64218	64221	...	64228
.....
PC 12/04	6/12	Chi TM mua nước uống cho bộ phận BH	111	260.000				260.000				
PC 37/04	14/12	Thanh toán tiền chi tiếp khách	111	9.750.000								9.750.000
PC 38/04	15/12	Chi TM thanh toán tiền điện thoại cho bộ phận BH	111	1.379.350				1.379.350				
PC 78/04	31/12	Thanh toán tiền đặt in hóa đơn	111	2.500.000		2.500.000						
.....
		Tổng cộng		1.311.380.000	202.134.000	24.368.900	...	21.130.150	31.196.000	556.425.000	...	320.146.000

KẾT LUẬN

Trong những năm vừa qua, Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt đã có rất nhiều nỗ lực trong công tác quản lý nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cùng với đó là sự đầu tư của công ty, sự quan tâm của ban giám đốc cùng toàn thể nhân viên đang ngày càng xây dựng hình ảnh một công ty có quy mô và phát triển hơn.

Công ty có nhiều các chính sách ưu đãi đối với công nhân viên, chăm lo đời sống tinh thần và vật chất giúp họ nhiệt tình trong năng động sản xuất nhằm tạo được uy tín và niềm tin cho khách hàng. Kết quả đạt được là công ty luôn đảm bảo hoạt động kinh doanh có lợi nhuận, ổn định bộ máy và phát triển.

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt, em đã kết hợp giữa tình hình thực tế của công ty và áp dụng những kiến thức lý luận được học ở trường đề xuất một số biện pháp có tính chất tham khảo như phân bổ lại chi phí khấu hao cho các bộ phận sử dụng TSCĐ giúp cho việc tính toán chi phí chính xác hơn hay như công ty nên trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi ... Những kiến nghị này tuy còn mang dáng dấp của lý thuyết song cũng phần nào cũng có cơ sở và xuất phát từ thực tế nên cũng mang tính khả thi giúp công ty có bộ máy kế toán hoàn thiện hơn và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Do thời gian nghiên cứu có hạn cùng với trình độ hiểu biết còn non nên khóa luận tốt nghiệp của em xin phép được kết thúc tại đây và không tránh khỏi những thiếu sót, khuyết điểm, em rất mong nhận được sự chỉ bảo, góp ý của các cô, chú cán bộ Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt, của các thầy cô và thầy giáo hướng dẫn.

Đặc biệt là dưới sự hướng dẫn tận tình, chu đáo và nghiêm khắc của thầy giáo ThS. Nguyễn Văn Thụ đã giúp em hoàn thiện bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 25 tháng 6 năm 2012

Sinh viên thực hiện

Bùi thị Hoài Hạnh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. GS.TS. Ngô Thế Chi – PGS.TS. Nguyễn Đình Đổ - Th.S. Trương Thị Thủy – Th.S. Đặng Thế Hưng, Luật Kế toán Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam, Nhà xuất bản Tài Chính, tháng 7 năm 2006.
2. Bộ Tài chính, Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1) – Hệ thống tài khoản kế toán, Nhà xuất bản Giao Thông Vận Tải, quý I năm 2010.
3. Bộ Tài Chính, Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2) – Báo cáo tài chính – Chứng từ và sổ kế toán – Sơ đồ kế toán, Nhà xuất bản Giao Thông Vận Tải, quý I năm 2010.

DANH MỤC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

TT	Kí hiệu	Ý Nghĩa
1	TM	Tiền mặt
2	TGNH	Tiền gửi ngân hàng
3	KH - TSCĐ	Khấu hao tài sản cố định
4	TSCĐ	Tài sản cố định
5	PC	Phiếu chi
6	PT	Phiếu thu
7	BC	Báo có
8	BN	Báo nợ
9	BH và CCDV	Bán hàng và cung cấp dịch vụ
10	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
11	PKT	Phiếu kế toán
12	TKĐU	Tài khoản đối ứng
13	K/C	Kết chuyển
14	KD	Kinh doanh
15	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
16	HĐ	Hóa đơn
17	HĐKD	Hoạt động kinh doanh
18	TK	Tài khoản
19	HĐ GTGT	Hóa đơn giá trị gia tăng
20	NT	Ngày tháng
21	LN	Lợi nhuận
22	HĐ SXKD	Hoạt động sản xuất kinh doanh
23	NKC	Nhật ký chung
24	CHXHNCN	Cộng hòa xã hội chủ nghĩa
25	TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
26	XK	Xuất khẩu

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.	3
1.1.1 Sự cần thiết của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	3
1.1.2 Vai trò của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	4
1.1.3 Yêu cầu, nhiệm vụ của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	4
1.1.4 Một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	5
1.1.5 Bán hàng và các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp	8
1.1.6 Các phương thức thanh toán	10
1.2 NỘI DUNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.	10
1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.....	10
1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán.....	21
1.2.3 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	26
1.2.4 Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính	32
1.2.5 Kế toán chi phí, thu nhập hoạt động khác.....	36
1.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	40
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HOÀNG ĐẠT	45
2.1 KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HOÀNG ĐẠT.	45

2.1.1	Quá trình hình thành và phát triển	45
2.1.2	Đặc điểm sản xuất kinh doanh	46
2.1.3	Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý.....	47
2.1.4	Tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt.....	50
2.2	THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY.	53
2.2.1	Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt.	53
2.2.3	Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.	70
2.2.4	Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.	81
2.2.5	Xác định kết quả kinh doanh.....	89
	CHƯƠNG 3 MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HOÀNG ĐẠT. ..	95
3.1	ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HOÀNG ĐẠT	95
3.1.1	Ưu điểm.....	95
3.1.2	Hạn chế.....	97
3.2	MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH NHẪM NÂNG CAO CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HOÀNG ĐẠT	101
3.2.1	Một số nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện công tác kế toán.....	101
3.2.2	Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoàng Đạt.....	101
	KẾT LUẬN	110
	TÀI LIỆU THAM KHẢO	111